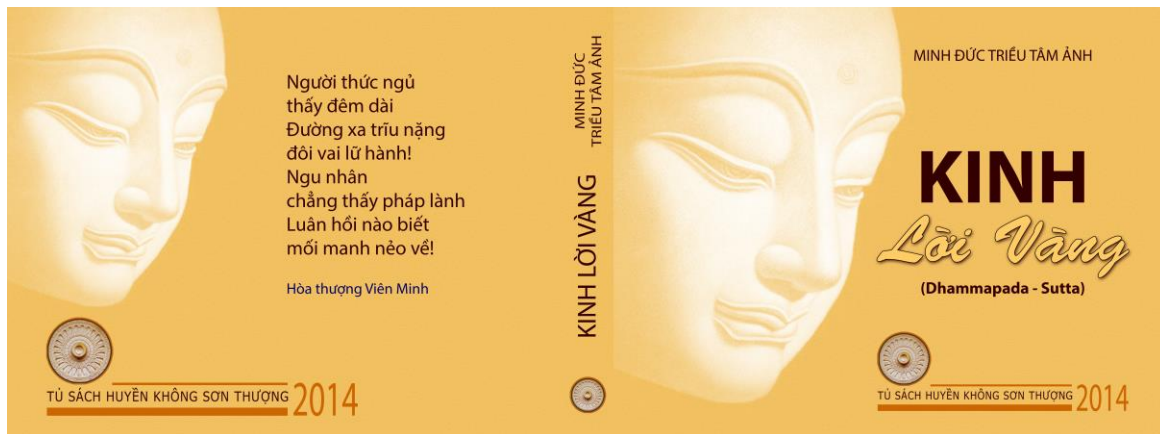


MINH ĐỨC TRIỀU TÂM ẢNH

**Dhammapada**  
**KINH LỜI VÀNG**  
**Việt - lục bát thi hóa - Pāli**

\*\*\* ❁ \*\*\*

(In lần thứ 5, có chỉnh sửa và nhuận sắc lần cuối)



Thư Viện Hoa Sen chuyển qua định dạng PDF ngày 16/6/2014



## **Chương I**

# **YAMAKAVAGGA** **(Phẩm Song Đối)**

## 1.

Các pháp, tư tác<sup>(1)</sup> dẫn đầu  
Tư tác chủ ý bắc cầu đưa duyên  
Nói, làm xấu ác, chẳng hiền  
Bánh xe bò kéo, khổ liền theo sau!

Manopubbaṅgamā dhammā  
manoseṭṭhā manomayā,  
manasā ce paduṭṭhena  
bhāsatī vā karoti vā,  
tato naṃ dukkhamanveti  
cakkam'vā vahato padaṃ.



---

<sup>(1)</sup> Theo Abhidhamma thì ý (mano), thức (viññāṇa), tâm (citta)... đồng nghĩa; nhưng tôi chọn dịch là tư tác (cetanā) – vì tư tác mới là nghiệp. Từ trước đến nay, nhiều nơi bảo tác ý (manasikāra) là nghiệp; không phải vậy, tác ý mới chỉ là hướng tâm, như bánh lái của chiếc thuyền. Trong 7 biến hành tâm sở (Duy Thức chỉ 5): Xúc, tác ý, thọ, tưởng, tư, nhất tâm, mạng căn – thì chính tư (tư tác-cetanā) mới quan trọng, mới tạo nghiệp; sau đó, các lộ trình tâm mới khởi theo – chúng đồng khởi. Tuy nhiên, nếu dịch là tâm hay ý đều không sai, vì ý, tâm, tư tác - được coi là tâm và các pháp (dhammā), hai từ đầu trong câu kệ, chính là những tâm sở (theo chú giải).

## 2.

Các pháp, tư tác dẫn đầu  
Tư tác, chủ ý bắc cầu đưa duyên  
Nói, làm lành tốt, thiện hiền  
Như hình dọi bóng, vui liền theo sau.

Manopubbaṅgamā dhammā  
manoseṭṭhā manomayā,  
manasā ce pasannena  
bhāsatī vā karoti vā,  
tato naṃ sukhamanveti  
chāyā'va anapāyinī.



### 3.

“Nó đánh, nó cướp của tôi!  
Lại còn nhục mạ lắm lời đả đàng cay!”  
Ai mà ôm ấp niệm này  
Lửa phiền thiêu đốt thảng ngày chẳng nguôi!

Akkocchi maṃ avadhi maṃ  
ajini maṃ ahāsi me,  
ye ca taṃ upanayhanti  
veraṃ te saṃ na sammati.



#### 4.

“Nó đánh, nó cướp của tôi!  
Lại còn nhục mạ lắm lời đả đing cay!”  
Người không ôm giữ niệm này  
Lửa phiền chột tắt, khổ rày tự tiêu!

Akkocchi maṃ avadhi maṃ  
ajini maṃ ahāsi me,  
ye ca taṃ na nupanayhanti  
veraṃ tesūpasammati.



**5.**

Nếu ai lấy oán báo thù  
Oan oan tương báo, thiên thu hằng sầu  
Từ tâm, định luật nhiệm mầu  
Lấy ân báo oán, còn đâu oán thù?

Na hi verena verāni  
sammantīdha kudācanam  
averena ca sammanti  
esa dhammo sanantano.





6.

Luận tranh chẳng có ích gì!  
Tranh cường, hiếu thắng lắm khi phiền hà  
Ai người suy ngẫm sâu xa  
Nói năng tự chế, bất hòa lặng yên!

Pare ca na vijānanti  
mayamettha yamāṃse,  
ye ca tattha vijānanti  
tato sammanti medhagā.



7.

Người hăng say đắm dục trần<sup>(1)</sup>  
Uống ăn vô độ, trăm phần dễ duôi  
Ma Vương chúng vỗ tay cười  
Cây cảnh mềm yếu, toi bởi gió lay!

Subhānupassim viharantaṃ  
indriyesu asaṃvutaṃ,  
bhojanamhi cāmatāññaṃ  
kusītaṃ hīnavīriyaṃ,  
taṃ ve pasahati māro  
vāto rukkhaṃ'va dubbalaṃ.



---

<sup>(1)</sup> Câu Pāli tương ứng có nghĩa: Sống mà hăng suy nghĩ đến lạc thú (nhìn tịnh tướng).

8.

Người hăng quán niệm tự thân  
Uống ăn tiết độ, tinh cần sớm hôm  
Ma Vương đâu dễ khinh lờn  
Gió qua núi đá chẳng sờn, chẳng lay!

Asubhānupassim viharantaṃ  
indriyesu saṃvutaṃ,  
bhojanamhi ca mattaññuṃ  
saddhaṃ āradhāvīriyaṃ,  
taṃ ve nappasahati māro  
vāto salaṃ'va pabbataṃ.



9.

Người không tự chế, không chơn  
Người mà tâm địa chẳng hơn thế phàm!  
Làm sao xứng mặc y vàng?  
Làm sao xứng đáng dự hàng Sa-môn?

Anikkasāvo kāsāvaṃ  
yo vatthaṃ paridahissati,  
apeto damasaccena  
na so kāsāvaṃ arahati.



**10.**

Người mà nhẫn nại tu hành  
Nghiêm trì giới luật cao thanh, rõ ràng  
Khen thay! Khéo mặc y vàng!  
Khen thay! Xứng đáng dự hàng Sa-môn!

Yo ca vantakasāv'assa  
sīlesu susamāhito,  
upeto damasaccena  
sa ve kāsāvam'arahati.



## 11.

Phi chơn lại tưởng chánh chơn  
Chánh chơn lại tưởng phi chơn, đó là:  
Duy trì ác kiến, ác tà  
Ngu nhân nào thấy tinh hoa pháp mầu!

Asāre sāramatino  
sāre cāsāradassino,  
te sāraṃ nādhigacchanti  
micchāsaṅkappagocarā.



## 12.

Chánh chơn thấy rõ chánh chơn  
Phi chơn thấy rõ phi chơn, mới là:  
Lìa xa ác kiến, ác tà  
Trí nhân dễ ngộ tinh hoa pháp mầu!

Sārañca sārato ñatvā  
asārañ ca asārato,  
te sāraṃ adhigacchanti  
sammāsaṅkappagocarā.



### 13.

Nhà ai vụng lợp, dột mưa  
Cũng dường thế ấy, người chưa tu trì  
Tâm nhiều tham ái, sân si  
Dễ dàng xâm nhập sâu bi, não phiền.

Yathā agāraṃ ducchannaṃ  
vuṭṭhi samativijjhati,  
evaṃ abhāviṭaṃ cittaṃ  
rāgo samativijjhati.





## 14.

Nhà ai khéo lợp, khéo ngăn  
Nước mưa không thể lại xâm nhập vào  
Tâm người biết dựng vách rào  
Ái tham, phiền não dễ nào ghé vô!

Yathā agāraṃ succhannaṃ  
vutṭhi na samativijjhati,  
evaṃ subhāviṭṭhaṃ cittaṃ  
rāgo na samativijjhati.



**15.**

Đây thống khổ, kia thương đau!  
Hai đời, kẻ ác muộn sầu chẳng vui  
Bất an, ưu não rồi bời  
Mắt nhìn khổ báo, Phật, Trời thở than!

Idha socati pecca socati  
pāpakārī ubhayattha socati,  
so socati so vihaññati  
disvā kammakiliṭṭhamattano.



**16.**

Đây an lạc, kia hỷ hoan  
Hai đời thiện hạnh lại càng thêm vui  
Bình yên, hoa nở, nụ cười  
Mắt nhìn phước quả thắm tươi bốn bề!

Idha modati pecca modati  
katapuñño ubhayattha modati,  
so modati so pamodati  
disvā kammavisuddhimattano.



**17.**

Đây ưu não, kia khổ đau  
Hai đời, kẻ ác muộn sâu thảm thương  
Thở than nghiệp dữ đã vương  
Chết vào khổ cảnh đoạn trường, than hơn!

Idha tappati pecca tappati  
pāpakārī ubhayattha tappati,  
pāpaṃ me katan ti tappati  
bhiyyo tappati duggatim gato.



## 18.

An vui, hạnh phúc hai đời  
Tâm người thiện hạnh rạng ngời, hân hoan  
Đã mừng gieo được phước vàng  
Sinh vào tiên cảnh, lại càng mừng hơn!

Idha nandati pecca nandati  
katapuñño ubhayattha nandati,  
puññaṃ me katan ti nandati  
bhiyyo nandati suggatiṃ gato.



## 19.

Suốt thông kinh luật mặc dầu  
Nếu không hành đạo, đếm trâu, đếm bò!  
Dễ duôi, tự mãn nằm co  
Qua miền siêu thoát, gọi đồ ai đưa?

Bahumpi ce sahitam bhāsamāno  
na takkaro hoti naro pamatto,  
gopo'va gāvo gaṇayaṃ paresaṃ  
na bhāgavā sāmāññaṃ hoti.



## 20.

Ít thông kinh luật mặc dầu  
Nếu chuyên hành đạo, tìm cầu sửa mình  
Sống đời chánh hạnh, quang minh  
Qua miền siêu thoát, vô sinh, hưởng nhàn!

Appampi ce sahitam bhāsamāno  
dhammassa hoti anudhammacārī,  
rāgan ca dosañ ca pahāya moham  
sammappajāno suvimuttacitto,  
anupādiyāno idha vā huraṃ vā  
sa bhāgavā sāmāññaṃ hoti.



## **Chương II**

### **APPAMĀVAGGA (Phẩm Không Phóng Dật)**



## 21.

Con đường phóng dật, nguy nan  
Con đường tỉnh thức, vinh quang nhiều đời  
Buông lung là kẻ chết rồi  
Pháp mầu Bất Tử đợi người cần chuyên!

Appamādo amatapadam  
pamādo maccuno padam,  
appamattā na mīyanti  
ye pamattā yathā matā.



22.

Trí nhân thấy rõ cơ duyên  
Tĩnh cần, kiên định vẫy thuyền sang sông  
An vui, hoan hỷ tự lòng  
Dự vào cảnh giới thanh trong Thánh mầu!

Evam viśesato ñatvā  
appamādamhi paṇḍitā,  
appamāde pamodanti  
ariyānaṃ gocare ratā.



## 23.

Trí nhân tinh tấn thiên hành  
Kiên trì, nỗ lực duyên sanh Niết-bàn  
Ma Vương khó buộc, khó ràng  
Tự do tối thượng, thên thang bên bờ!

Te jhāyino sātatikā  
niccam daḥhaparakkamā,  
phusanti dhīrā nibbānaṃ,  
yogakkhemaṃ anuttaraṃ.



**24.**

Tỉnh cần, chánh niệm hồi ai!  
Giữ gìn tịnh hạnh trong ngoài chăm chuyên  
Tự điều, theo pháp sống thiền  
Nỗ lực sung mãn, thiện hiền tấn tăng!

Uṭṭhānavato satīmato  
sucikammasa nisammakārino,  
saññatassa dhammajīvino  
appamattassa yasobhivaḍḍhati.



## 25.

Sống không phóng dật, kiên trì  
Tự điều, tự chế thường khi mới là!  
Chí người thiện trí cao xa  
Xây hòn đảo lớn, quê nhà trú thân!

Uṭṭhānen'appamādena  
saṃyamena damena ca,  
dīpaṃ kayirātha medhāvī  
yaṃ ogho n'ābhikīrati.



**26.**

Si mê, cuồng si buông lung  
Riêng người thiện trí canh chừng niệm tâm  
Tâm tâm, niệm niệm tinh cần  
Giữ gìn kho báu, thế nhân dễ gì!

Pamādamanuyuñjanti  
bālā dummedhino janā,  
appamādañ ca medhāvī  
dhanam seṭṭhamva rakkhati.



**27.**

Người không phóng dật, dễ duôi  
Người không mê đắm niềm vui dục trần  
Tỉnh thức, thiền quán tinh cần  
Sẽ hái, sẽ gặt phước phần sum suê!

Mā pamādamanuyuñjetha  
mā kāmaratisanthavaṃ,  
appamatto hi jhāyanto  
pappoti vipulaṃ sukhaṃ.



## 28.

Niệm tâm: Phóng dật lùi xa  
Thoát khỏi phiền não – binh ma cuối đèo!  
Cao sơn, trí tuệ khéo trèo  
Ngu si, đau khổ - nằm queo đám người!

Pamādaṃ appamādena  
yadā nudati paṇḍito,  
paññāpāsādamārūya  
asoko sokiniṃ pajāṃ,  
pabbataṭṭho va bhūmaṭṭhe  
dhīro bāle avekkhati.





**29.**

Trú niệm giữa kẻ buông lung  
Tỉnh thức giữa đám mê mung, loạn cuồng  
Như con tuần mã kiên cường  
Sau lưng bỏ lại lươn ươn ngựa hèn!

Appamatto pamattesu  
suttesu bahujāgaro,  
abalassam va sīghasso  
hitvā yāti sumedhaso.



**30.**

Chỉ nhờ đức tánh tinh cần  
Đế Thích cai quản bốn tầng Thiên Vương  
Dễ đuổi thiên hạ coi thường  
Tinh cần mãi được tán dương đời đời!

Appamādena maghavā  
devānaṃ seṭṭhataṃ gato,  
appamādaṃ paṇṇasanti  
pamādo garahito sadā.



### 31.

Tỳ-kheo vui thích tinh cần  
Sợ hãi phóng dật, niệm tâm canh chừng  
Bước đi như đám lửa hừng  
Thieu bao phiền não, kiết thừng<sup>(1)</sup> tiêu tan!

Appamādarato bhikkhu  
pamāde bhayadassi vā,  
saṃyojanam aṇum thūlam  
ḍaḥam aggī'va gacchati.



---

<sup>(1)</sup>Kiết thừng: Dây trói buộc.

**32.**

Tỳ-kheo vui thích tinh cần  
Sợ hãi phóng dật, chuyên tâm quán thiền  
Khỏi rơi đọa xuống các miền  
Vị ấy nhất định kê bên Niết-bàn!

Appamādarato bhikkhu  
pamāde bhayadassi vā,  
abhabbo parihānāya  
nibbānass'eva santike.



### **Chương III**

## **CITTAVAGGA** **(Phẩm Tâm)**

### 33.

Khó thay! Trì nhiếp tâm người  
Chập chờn, dao động cả đời không yên  
Thợ tài uốn thẳng cây tên  
Giữ tâm cũng vậy, thiện hiền khéo tu!

Phandanam capalam cittam  
dūrakkham dunnivārayam,  
ujum karoti medhāvī  
usukārova tejanam.



**34.**

Cá kia quăng bỏ lên bờ  
Vầy vùng, hốt hoảng đợi giờ chết thôi!  
Cho hay tâm lạc chợ đời  
Cũng dường thế ấy, hãy rời lực ma!

Vārijo’va thale khitto  
okamokata ubbhato,  
pariphandatidaṃ cittaṃ  
māradheyyaṃ pahātave.



### 35.

Tâm ta khinh động bất an  
Kiếm tìm dục lạc, chạy quàng, chạy xiêng  
Lành thay! Chế ngự thành hiền  
Tâm được điều phục, diệt phiền, được vui!

Dunniggahassa lahuno  
yatthakāmanipātino,  
cittassa damatho sādhu  
cittam dantam sukhāvaham.





**36.**

Tâm ta tế nhị vô cùng  
Dễ nào thấy biết, canh chừng làm sao?  
Kiếm tìm dục lạc xông xao  
Tâm được phòng hộ, xiết bao an lành!

Sududdasaṃ sunipunaṃ  
yatthakā manipātināṃ,  
cittaṃ rakkhetha medhāvī  
cittaṃ guttaṃ sukhāvahaṃ.



### 37.

Xa xôi diệu vợi lữ trình  
Đến đi đơn độc, ẩn mình hang sâu<sup>(1)</sup>  
Điều tâm: Hạnh phúc cơ mầu  
Vui sao! Thoát khỏi Ma đầu trời trần!<sup>(2)</sup>

Dūraṅgamaṃ ekacaraṃ  
asarīraṃ guhāsayaṃ,  
ye cittaṃ saṃyamessanti  
mokkhanti mārabandhanā.



---

<sup>(1)</sup> Trú xứ ẩn mật của Thức.

<sup>(2)</sup> Ngũ ma.

### 38.

Tâm chưa an trú vững vàng  
Làm sao chánh pháp dễ dàng liễu tri?  
Niềm tin rung động từng khi  
Trí tuệ như vậy, mong chỉ thành toàn?!

Anavaṭṭhitacittassa  
saddhammaṃ avijānato,  
pariplavapasādassa  
paññā na paripūrati.



**39.**

Tâm không ái dục đầy tràn  
Tâm không sân hận, chẳng mang lửa phiền  
Vượt lên thiện, ác đôi miền  
Bậc luôn tỉnh thức, chẳng hiểm sợ chi!

Anavassutacittassa  
ananvāhatacetaso,  
punnapāpapahīnassa  
natthi jāgarato bhayaṃ.



## 40.

Thân này gồm sứ mỏng manh  
Tâm này kiên cố thủ thành chống Ma!<sup>(1)</sup>  
Gươm vàng trí tuệ vung ra<sup>(2)</sup>  
Giữ gìn chiến thắng, một tòa “vô tham”!<sup>(3)</sup>

Kumbhūpamaṃ kāyamimaṃ viditvā  
nagarūpamaṃ cittamidaṃ t̥hapetvā,  
yodhetha māraṃ paññāyudhena  
jitañ ca rakkhe anivesano siyā.



---

<sup>(1)</sup> Ý nói về dục vọng.

<sup>(2)</sup> Tuệ minh sát

<sup>(3)</sup> Không ái luyến, không đeo níu những bậc thiền đã đạt được; an trú trạng thái ly tham, vô ái, Niết-bàn.

**41.**

Mai kia thương xót thân này  
Nằm vùi đất lạnh, tháng ngày nắng mưa  
Vô tri một đồng thịt thừa  
Khúc cây vô dụng, xẻ cưa được gì?

Aciraṃ vatayaṃ kāyo  
pathaviṃ adhisessati,  
chuddho apetaviññāṇo  
niratthaṃ'va kaliṅgaram.



42.

Kẻ thù hiềm hại kẻ thù  
Oan gia chước hiềm báo cừu oan gia  
Ghê hơn, tâm hướng ác tà  
Vạn lần nguy khốn cho ta, cho người!

Diso disaṃ yaṃ taṃ kayirā  
verī vā pana verinaṃ,  
micchāpaṇihitaṃ cittaṃ,  
pāpiyo naṃ tato kare.



### 43.

Điều mà quyền thuộc, mẹ cha  
Chẳng thể làm được cho ta, cho người  
Nhưng tâm chơn chánh hướng rồi  
Thành tựu tốt đẹp vẹn mười, vẹn trăm!

Na taṃ mātā pitā kayirā  
aññe vāpi ca ñātakā,  
sammāpaṇihitaṃ cittaṃ  
seyyaso naṃ tato kare.





## **Chương IV**

### **PUPPHAVAGGA (Phẩm Hoa)**

#### 44.

Ai người thấu triệt “cái ta”?  
Thấu triệt Thiên giới, Dạ Ma các hàng?  
Ai người khéo giảng “Pháp vàng”?<sup>(1)</sup>  
Như tay thiện xảo kết tràng hoa tươi?

Ko imam pathaviṃ vicessati  
yamalokañ ca imam sadevakam,  
ko dhammapadam sudesitam  
kusalo pupphamiva pacesati.



---

<sup>(1)</sup> Kinh pháp cú, kinh lời vàng, Phật ngôn, bát chánh đạo, giáo pháp.

## 45.

Ai người chinh phục “cái ta”?  
Chinh phục Thiên giới, Dạ Ma các hàng?  
Bậc “Hữu học”<sup>(1)</sup> giảng Pháp vàng  
Như tay thiện xảo kết tràng hoa tươi.

Sekho pathaviṃ vicessati  
yamalokañ ca imaṃ sadevakam,  
sekho dhammapadam sudesitam  
kusalo pupphamiva pacesati.



---

<sup>(1)</sup> Từ Tu-đà-hoàn đến A-na-hàm.

**46.**

Thân như bột nước đầu gềnh  
Rỗng không, huyền ảo, diệt sinh vậy mà!  
Trượng phu bẻ gãy tên hoa  
Vượt lên tầm mắt, Tử Ma khó tìm!

Phenūpamaṃ kāyamimaṃ viditvā  
marīcidhammaṃ abhisambudhāno,  
chetvāna mārassa papupphakāni  
adassanaṃ maccurājassa gacche.



47.

Ai còn thu nhặt hoa hương,  
Đắm si, tham nhiễm bên đường biết hay?  
Tử Thần mang kẻ ấy ngay  
Như cơn lũ cuốn ngủ say cả làng!

Pupphāni heva pacinantam  
byāsattamanasam naram,  
suttam gāmam mahogho'va  
maccu ādāya gacchati.



**48.**

Ai còn thu nhặt hoa hương  
Đắm si, tham nhiễm bên đường chẳng thôi?  
Coi chừng Thần Chết tới nơi  
Bắt làm nô lệ, rồi đời kẻ ngu!

Pupphāni heva pacinantam  
byāsattamanasam naram,  
atittañeva kāmesu  
antako kurute vasam.



**49.**

Như ong kiể<sup>1</sup>m tí mậ<sup>2</sup>t thoi  
Sắc hương chẳ<sup>3</sup>ng hại, lá chồi cũng không  
Khẽ khàng chút nhự<sup>4</sup>y ló<sup>5</sup>t lòng  
Bạc Thánh cũng vậy, thong dong vào làng!

Yathāpi bhamaro puppham  
vaṇṇagandham aheṭṭhayam,  
paleti rasam'ādāya  
evam gāme munī care.



**50.**

Lỗi người tìm trách sao nên  
Dầu phải, dầu quấy chen xen chẳng gì?  
Gẫm ta làm được điều chi?  
Lặng im, tự kiểm, tu trì mới hay!

Na paresaṃ vilomāni  
na paresaṃ katākatam,  
Attanova avekkheyya  
katāni akatāni ca.





**51.**

Hoa kia đẹp đẽ dường bao!  
Sắc màu tươi thắm nhưng nào có hương  
Ngôn lời dệt gấm thêu chương  
Không hành, chỉ nói là phường bỏ đi!

Yathāpi ruciraṃ pupphaṃ  
vaṇṇavantam agandhakam,  
evaṃ subhāsita vācā  
aphalā hoti akubbato.



**52.**

Hoa kia đẹp đẽ dường bao!  
Sắc màu đã thấm lại ngào ngạt hương.  
Ngôn lời trong sáng như gương  
Nói làm là một, văn chương dám bì!

Yathāpi ruciraṃ pupphaṃ  
vaṇṇavantāṃ saṅgandhakāṃ,  
evaṃ subhāsītā vācā  
saphalā hoti sakubbato.



**53.**

Đó đây lác đác đầu cành  
Hái từng đóa xâu thành tràng hoa  
Chúng sanh giữa cõi ta bà  
Việc lành thu góp kết tòa thiện tâm!

Yathāpi puppharāsimhā  
kayirā mālāguṇe bahū,  
evaṃ jātena maccena  
kattabbam kusalam bahum.



**54.**

Hương thơm tối thắng diệu hoa  
Làm sao ngược gió bay xa mọi đường?  
Hương thơm đức hạnh phi thường  
Xông lan khắp cả muôn phương ngạt ngào!

Na pupphagandho paṭivātameti  
na candanaṃ tagaramallikā,  
satañ ca gandho paṭivātameti  
sabbā disā sappuriso pavāyati.



**55.**

Hương sen, hương lý, hương lái  
Chiên-đàn cùng với một vài thắng hương  
Dầu thơm, đầu thể so lường  
Hương người giới hạnh, phi thường thể gian!

Candanam tagaram vāpi  
uppalam atha vassikī,  
etesam gandhajātānam  
sīlagandho anuttaro.



**56.**

Hương sen, hương lý, hương lái  
Chiên-đàn cùng với một vài thắng hương  
Hương người giới hạnh phi thường  
Xông bay bốn cõi Thiên Vương ngát ngào!

Appamatto ayam gandho  
yā'yam tagaracandanī,  
yo ca sīlavataṃ gandho  
vāti devesu uttamo.



**57.**

Ai người trú niệm tinh cần,  
Ai người siêu thoát dự phần vô vi?  
Ai người đức hạnh, chánh tri?  
Ma Vương chẳng thấy đường đi, lối về.

Tesaṃ sampannasīlānaṃ  
appamādavihāriṇaṃ,  
sammadañña vimuttānaṃ  
māro maggaṃ na vindati.



**58-59.**

Hoa sen dễ mển, dễ ưa,  
Mọc lên từ đồng bùn như vệ đường.  
Môn đệ đức Chuyển Pháp Vương  
Trí tuệ chiếu sáng khắp phương trời!

Yathā saṅkāraṭhānasmiṃ  
ujjhiṭasmim mahāpathe,  
padumaṃ tattha jāyetha  
suciḡandhaṃ manoramaṃ.

Evam saṅkārabhūtesu  
andhabhūte puthujjane,  
atirocati paṇṇāya  
sammāsambuddhasāvako.





## **Chương V**

### **BĀLAVAGGA (Phẩm Kẻ Ngu)**

**60.**

Người mất ngủ thấy đêm dài  
Đường xa nặng trĩu đôi vai lữ hành  
Ngu nhân chẳng thấy pháp lành  
Luân hồi nào biết mỗi manh nẻo về.

(Viên Minh)

Người mất ngủ, đêm dài ôi!  
Lữ khách mệt mỏi, xa xôi dặm trình  
Kẻ mê si, lảm vô minh  
Luân hồi ngút mắt, khổ sinh nghìn trùng!

Dīghā jāgarato ratti  
dīghaṃ santassa yojanaṃ,  
dīgho bālānaṃ saṃsāro  
saddhammaṃ avijānataṃ.



**61.**

Xa xôi thiên lý lữ trình  
Không gặp thân hữu bằng mình hoặc hơn  
Thà rằng vững bước cô đơn  
Chẳng nên kết bạn với phường ngu si!

Carañce nādhigaccheyya  
seyyaṃ sadisamattano,  
ekacariyaṃ daḷhaṃ kayirā  
na'tthi bāle sahāyatā.



**62.**

“Con tôi, tài sản của tôi”!  
Đó là ưu não của người cuồng si  
Trong “ta”, “ta” ấy có gì?  
Tài sản, con cái - khác chi mộng trường!

Puttā matthi dhanammatthi  
iti bālo vihaññati,  
attā hi attano natthi  
kuto puttā kuto dhanam.



**63.**

Người ngu xin hãy biết mình!  
Thà rằng như vậy, thông minh mấy phần  
Ngu si lại tưởng trí nhân  
Vớì kẻ như vậy, vạñ lần chí ngu!

Yo bālo mannati bālyam  
paṇḍito vāpi tena so,  
bālo ca paṇḍitamānī  
sa ve bālo'ti vuccati.



**64.**

Người ngu, cho dầu trọn đời  
Sống gần trí giả, uổng lời cao siêu  
Không hành chánh pháp nửa điều  
Muông canh nào biết trong niêu vị gì?!

Yāvajīvampi ce bālo  
paṇḍitaṃ payirupāsati,  
na so dhammaṃ vijānāti  
dabbī sūparaṣaṃ yathā.



**65.**

Phút giây thân cận đại hiền  
Với người hữu trí là duyên vạn đời  
Thấy ngay chánh pháp tuyệt vời  
Lưỡi kia nếm thưởng biết nồi canh ngon!

Muhuttamapi ce viññū  
paṇḍitaṃ payirupāsati,  
khippaṃ dhammaṃ vijānāti  
jivhā sūparaṃsaṃ yathā.



**66.**

Oi người thiếu trí đại ngu!  
Lại xem “tự ngã” kẻ thù khôn thay!  
Trở đi, lộn lại cõi này,  
Mãi tạo ác nghiệp, khổ rày ai mang?!

Caranti bālā dummedhā  
amitteneva attanā,  
karontā pāpakam kammam  
yam hoti kaṭukapphalam.





**67.**

Ác nghiệp là nghiệp chẳng lành  
Ăn năn, hối quá phát sanh lòng người  
Đến khi quả dữ chín muồi  
Lệ tuôn đầy mặt, lạy trời khóc mưa!

Na taṃ kammaṃ kataṃ sādhu  
yaṃ katvā anutappati,  
yassa assumukho rodaṃ  
vipākaṃ paṭisevati.



**68.**

Thiện nghiệp là nghiệp tốt lành  
Thỏa thích, mát mẻ phát sanh lòng người  
Đến khi lạc báo chín muồi  
Thọ hưởng phước quả, nói cười hân hoan!

Taṅca kammaṃ kataṃ sādhu  
yaṃ katvā nānutappati,  
yassa patīto sumano  
vipākaṃ paṭisevati.



**69.**

    Ác hạnh như mật, như đường!  
Người ngu nghĩ vậy, quả thường chưa sanh  
    Đến khi ác báo rành rành  
Than Trời, trách Phật, khổ thành khổ hơn!

    Madhu'vā maññati bālo  
    yāva pāpaṃ na paccati,  
    yadā ca paccati pāpaṃ  
    bālo dukkhaṃ nigacchati.



**70.**

Người ngu, ép xác, đặt bày  
Liếm ăn đầu cỏ dính rây chút gì  
Phép tu khổ hạnh sao bì  
Một phần mười sáu liễu tri pháp hành!

Māse māse kusaggena  
bālo bhuñjeyya bhojanam,  
na so saṅkhātadhammānam  
kalam agghati soḷasim.



**71.**

Ác hạnh không tạo quả ngay  
Nnhư sữa tươi mới, sớm ngày chưa đông  
Nghệp kia theo kẻ cuồng nông  
Dưới tro âm ỉ than hồng, biết chẳng?

Na hi pāpaṃ kataṃ kammaṃ  
sajju khīraṃva muccati,  
ḍahantaṃ bālaṃanveti  
Bhasmacchanno va pāvako.



72.

Người ngu sa đọa tâm hồn  
Tri thức hái lượm, cúi luồn công danh  
Đầu to bừa nát tan tành  
Hoa hương úa rã, cây cảnh thảm thương!

Trong sự sụp đổ của mình  
Hái thù kiến thức, góp danh vọng đời  
Người ngu đâu biết, than ôi!  
Chính chúng bừa nát bề hai cái đầu!

Yāvadeva anattāya  
ñattam bālassa jāyati,  
hanti bālassa sukkamsam  
muddhamassa vipātayaṃ.



**73.**

Người ngu cuồng vọng tiếng tăm  
Muốn ngồi trên trước Chư Tăng Thánh, phàm  
Quyền uy tu viện cao sang  
Muốn người đưa đón kiệu vàng, lọng hoa!

Asantaṃ bhāvanamiccheyya  
purekkhāraṇ ca bhikkhusu,  
āvāsesu ca issariyaṃ  
pūjā parakulesu ca.



74.

Người ngu bản ngã phô trương  
Cướp công đồng đạo, nêu gương mình làm  
Ưu sai, ưa lệnh rắp hàng  
Mạn cuồng tăng thượng, ái tham lũ dòng!

Mameva kata maññantu  
gihīpabbajitā ubho,  
amevātivasā assu  
kiccākiccesu kismici,  
Iti bālassa saṅkappo  
icchā māno ca vaḍḍhati.





**75.**

Con đường lợi lộc trần gian  
Con đường vô dục, Niết-bàn khác nhau  
Sa-môn say đắm, dễ đâu!  
Khởi tâm nhàm chán, mỗi câu xa rời!

Aññā hi lābhūpanisā  
aññā nibbānagāminī,  
evametaṃ abhiññāya  
bhikkhu buddhassa sāvako,  
sakkāraṃ nābhinandeyya  
vivekamanubrūhaye.



## **Chương VI**

### **PANDTAVAGGA (Phẩm Trí Hiền)**

**76.**

Trí hiền điếm lỗi cho ta  
Điều xấu nên sửa, điều chưa thành toàn  
Ví như chỉ chỗ chôn vàng,  
Bạn người như vậy, tốt càng tốt hơn!

Nidhīnaṃva pavattāraṃ  
yaṃ passe vajjadassināṃ,  
niggayhavādiṃ medhāviṃ  
tādisaṃ paṇḍitaṃ bhaje,  
tādisaṃ bhajamānassa  
seyyo hoti na pāpiyo.



77.

Ai khuyên kẻ khác làm lành  
Ngăn ngừa niệm dữ, pháp hành gắng tu  
Người hiền cảm kích kính yêu  
Còn phường xấu ác, ra điều chẳng ưa!

Ovadeyyānusāseyya  
asabbhā ca nivāraye,  
sataṃ hi so piyo hoti  
asataṃ hoti appiyo.



**78.**

Với người xấu ác, không thân!

Với kẻ ti tiện, lại cần tránh xa!

Trí hiền, bạn tốt mới là:

Thượng nhân cao quý điểm hoa lòng mình!

Na bhaje pāpake mitte

na bhaje purisādhame,

bhajetha mitte kalyāṇe

bhajetha purisuttame.



**79.**

Vui thay! Giáo pháp thấm nhuần  
Vui thay! An lạc, thân tâm nhẹ nhàng!  
Trí nhân thỏa thích Con Đường  
Của bậc Thánh tuệ, Lời Vàng thuyết ngôn.

Dhammapīti sukhaṃ seti  
vip̐pasannena cetasā,  
ariyappavedite dhamme  
sadā ramati paṇḍito.



**80.**

Giỏi thay! Dẫn nước, đào mương!  
Mũi tên khéo uốn, thành đường thẳng ngay!  
Bánh xe tròn đều, tài hay!  
Tự điều, tự kiểm mới tày trí nhân!

Udakam hi nayanti nettikā  
usukārā namayanti tejanam,  
dārum namayanti tacchakā  
attānam damayanti paṇḍitā.



## 81.

Ví như tảng đá kiên trì  
Gió cuồng tám hướng dễ gì chuyển lay  
Tiếng đời chê dỏ, khen hay  
Không làm chao động đôi mày trí nhân.  
(Tâm Cao)

Như núi đá dựng trời cao  
Tám phương gió bão dễ nào chuyển lay  
Tán dương, khiển trách, dỏ, hay  
Chẳng làm dao động, nhú mày trí nhân!

Selo yathā ekaghano  
vātena na samīrati,  
evam nindāpasamsāsu  
na samiñjanti paṇḍitā.





**82.**

Ví như hồ nước thăm sâu  
Lặng yên, trong suốt chẳng màu bọt hoen!  
Như tâm của bậc trí hiền  
Khi nghe diệu pháp, lòng liền tịnh an!

Yathāpi rahado gambhīro  
vip̐pasanno anāvilo  
evaṃ dhammāni sutvāna  
vip̐pasīdanti paṇḍitā.



### 83.

Người hiền, dứt bỏ, xả ly  
Thánh nhân mấy chuyện dục si, chẳng bàn!  
Hạnh phúc, đau khổ thế gian  
Thì bậc thiện trí đâu màng để tâm!

Sabbattha ve sappurisā cajanti  
na kāmakāmā lapayanti santo,  
sukhena phutṭhā atha vā dukhena  
na uccāvacam paṇḍitā dassayanti.



**84.**

Không vì mình, không vì người  
Chẳng vì con cái, lộc tài trăm xe:  
Làm điều bất chánh đáng chê  
Bậc trí như vậy, Bồ-đề nở bông!

Không vì mình, không vì người  
Chẳng vì sự nghiệp, tiếng đời công danh:  
Bởi do bất chánh mà thành  
Bậc trí như vậy, đạo hành viên dung!

Na attahetu na parassa hetu  
na puttamicche na dhanam na rattham,  
na iccheyya adhammena samiddhimattano,  
sa sīlavā paññavā dhammiko siyā.



**85.**

Giữa đám nhân loại dật dờ  
May ra ít kẻ vượt bờ bến mê  
Phần đông cười, khóc ê chề  
Tâm hồn rách nát, kéo lê bờ này!

Phần đông nhân loại dật dờ  
Sống say, chết mộng bên bờ bến mê  
Quần quanh, xuôi ngược ê chề  
Đảo điên, tất bật kéo lê bờ này!

Appakā te manussesu  
ye janā pāragāmino,  
athāyaṃ itarā pajā  
tīramev'ānudhāvati.



**86.**

Những ai tinh tấn tu trì  
Đúng theo chánh pháp khéo tri, khéo hành  
Vượt qua Ma lực, tử sanh  
Thuyền xuôi giác ngộ, mây lành đón đưa!

Ye ca kho sammadakkhāte  
dhamme dhammānuvattino,  
te janā pāramessanti  
maccudheyyaṃ suduttaraṃ.



**87.**

Bỏ nhà, mây trắng ra đi  
Thong dong muôn sự, viễn ly thế tình  
Pháp đen, pháp trắng phân minh  
Rời xa khổ lạc, khinh linh độc hành.

Kaṇhaṃ dhammaṃ vip̐pahāya  
sukkaṃ bhāvētha paṇḍito,  
okā anokaṃ āgama  
viveke yattha dūramaṃ.



**88.**

Phát tay sở hữu riêng tư  
Cầu vui tịch tịnh, chân như Niết-bàn  
Gỡ bao chương ngại sân tham,  
Nhiễm ô thanh lọc, xứng hàng trí nhân!

Tatrābhiratimiccheyya  
hitvā kāme akiñcano,  
pariyodapeyya attānaṃ  
cittaklesehi paṇḍito.



**89.**

Khéo thay! Tu tập giác chi  
Lành thay! Chánh hạnh nhiếp trì bèn tâm  
Người không ái nhiễm dục trần  
Sống đời sáng chói, Niết-bàn, tại đây!

Yesam sambodhiyaṅgesu  
sammā cittaṃ subhāviṭṭam,  
āḍānapaṭinissagge  
anupādāya ye ratā,  
khīṇāsavā jutimanto  
te loke parinibbutā.





## **Chương VII**

### **ARAHANTAVAGGA (Phẩm A-la-hán)**

**90.**

Trải qua suốt cuộc hành trình  
Não phiền chấ<sup>1</sup>m dứ<sup>2</sup>t, khỏ<sup>3</sup> hình tiêu tan  
Cởi bao triền phược buộ<sup>4</sup>c ràng,  
Sống đời siêu thoát, lửa tàn vùi tro!

Gataddhino visokassa  
vip<sup>1</sup>pamuttassa sabbadhi,  
sabbaganthappahī<sup>2</sup>nassa  
pari<sup>3</sup>lāho na vijjati.



## 91.

Sa-môn chánh niệm kiên trì  
Lìa mọi trú xứ, ra đi nhẹ nhàng  
Ngõng trời cất cánh thân thang  
Ao hồ bỏ lại, mây ngàn thông dong!

Chim có tổ, cáo có hang  
Lìa mọi trú xứ, gót chàng Sa-môn  
Non xanh, mây trắng tâm hồn  
Rỗng không muôn sự, cô đơn dặm ngoài!

Uyyuñjanti satīmanto  
na nikete ramanti te,  
haṃsā va pallamaṃ hitvā  
okamokaṃ jahanti te.



92.

Rỗng rang tư hữu ra đi  
Uống ăn biết đủ, có chi phải bàn?  
Tánh không, vô tướng nhẹ nhàng  
Chim trời xóa dấu, mây ngàn tìm đâu?

Thân không, tài sản cũng không  
Ba y dị giản, phiêu bồng chiếc mây  
Giữa hư vời, cánh chim bay  
Đố ai biết hướng Đông, Tây mà tìm!

Yesam sannicayo n'atthi  
ye pariññātabhojanā,  
sunññto animitto ca  
vimokkho yesam gocaro,  
ākāse va sakuntānaṃ  
gati tesam durannayā.



### 93.

Sa-môn lậu hoặc đoạn ly  
Uống ăn chẳng đắm, có chi phải bàn?  
Tánh không, vô tướng nhẹ nhàng  
Bóng chim xóa vết, thênh thang mây trời!

Sa-môn, lậu hoặc cắt rời  
Uống ăn vừa đủ, sống đời rỗng rang  
Tánh không, vô tướng nhẹ nhàng  
Vết chân vị ấy, không gian chim trời!

Yassāsavā parikkhīṇā  
āhāre ca anissito,  
suññato animitto ca  
vimokkho yassa gocaro,  
Ākāse’va sakuntānaṃ,  
padaṃ tassa durannayaṃ.



**94.**

Ví như tuần mã luyện thành  
Lục căn chế ngự, xứng danh trượng tòng!  
Nhiễm ô, ngã mạn tiêu vong  
Chư thiên mến mộ giống dòng Sa-môn!

Yass'indriyāni samathaṃ gatāni  
assā yathā sārathinā sudantā,  
pahīnamānassa anāsavassa  
devāpi tassa pihayanti tādino.



**95.**

Đất kia cau mặt bao giờ  
Trụ đồng kiên cố, ao hồ lắng trong  
Luân hồi, vị ấy vượt dòng  
Tái sinh vô định, khổ không nào còn!

Như đất, tâm ý quân bình  
Kỷ cương, giới hạnh, thất tình chẳng xao  
Trụ đồng kiên cố khác nào  
Chẳng còn nhớ bản, hồ ao lắng bùn  
Là người đích đến cuối cùng  
Luân hồi vô định, lao lung chẳng còn!

Pathavisamo no virujjhati  
Indakhiṇ'upamo tādī subbato,  
rahadova apetakaddamo  
saṃsārā na bhavanti tādino.



**96.**

Tâm an thì nghiệp cũng an  
Lời ăn, tiếng nói lại càng an hơn  
Sống đời tri kiến chánh chơn  
Thanh bình siêu thoát, Sa-môn giống dòng!

Santaṃ tassa manañ hoti  
santā vācā ca kamma ca,  
sammadaññā vimuttassa  
upasantassa tādino.





**97.**

Chỉ tin giải thoát, chánh tri  
Chẳng tin ai khác, an vi tự lòng  
Cắt lìa hệ lụy trần hồng  
Là người tối thượng, chân không đi về!

Assaddho akataññū ca  
sandhicchedo ca yo naro,  
hatāvakāso vantāso  
sa ve uttamaporiso.



**98.**

Thị phường, làng mạc, rừng sâu  
Non cao, lũng thấp hoặc đâu mặc dù  
Nơi nào bậc thánh ngụ cư  
Ở đây khả ái, an như tuyệt vời!

Gāme vā yadi vāraññe  
ninne vā yadi vā thale,  
yattha arahanto viharanti  
taṃ bhūmiṃ rāmaṇeyyakam.



**99.**

Rừng sâu khả ái vô cùng  
Chỗ người phạm tục ngại ngừng bước chân  
Vì không tìm kiếm dục trần  
Bậc “*ly tham*” sống, mười phần hân hoan!

Ramaṇīyāni araṇṇāni  
yattha na ramatī jano,  
vītarāgā ramissantī  
na te kāmāgavesino.



## **Chương VIII**

# **SAHASSAVAGGA** **(Phẩm Một Ngàn)**

**100.**

Dẫu cho ngôn ngữ lời ngàn  
Mà nghe vô ích, chỉ bàn suông thôi!  
Tốt hơn: Một chữ, một lời  
Nghe xong tịnh lạc, sống đời vô ưu.

Sahassamapi ce vācā  
anatthapadasaṃhitā,  
ekaṃ atthapadaṃ seyyo  
yaṃ sutvā upasammati.



**101.**

Chữ câu ngàn vạn ích gì  
Kệ kinh nói mãi, lắm khi loạn mù  
Một câu có ích, cho dù  
Nghe xong tịnh lạc, an như đời đời!

Sahassamapi ce gāthā  
anatthapadasaṃhitā,  
ekaṃ gāthāpadaṃ seyyo  
yaṃ sutvā upasammati.



**102.**

Trăm câu đọc tụng ích gì  
Máy móc, nhái lại khác chi vệt, nhồng  
Một lời Phật pháp chánh tông  
Nghe xong tỉnh lạc, trú dòng bất lai!

Yo ca gāthā satam bhāse  
anattapadasaṃhitam,  
ekam dhammapadam seyyo  
yam sutvā upasammati.



**103.**

Vẻ vang, tự thắng chính mình  
Khó hơn thắng vạn chiến binh sa trường  
Lành thay! Tâm ý kỷ cương  
Chiến thắng tối thượng, phi thường: Thắng ta!

Yo sahaṣṣaṃ sahaṣṣena  
saṅgāme mānuse jine,  
ekañca jeyyamattānaṃ,  
sa ve saṅgāmajuttamo.





**104.**

Là người chế ngự bản thân  
Ngữ ngôn, cử chỉ, tinh cần chăm nom  
Thắng mình, nhất định tốt hơn  
Tự khéo điều phục, chánh chơn nhân hoàn.

Attā have jitam seyyo  
yā cāyam itarā pajā,  
attadantassa posassa  
niccam saññatacārino.



**105.**

Với người tự thắng chính mình  
Đứng cao hơn cả muôn sinh sáu đường  
Chư Thiên, Phạm Đế, Ma Vương  
Cũng đành chiến bại, vô phương sánh cùng!

Neva devo na gandhabbo  
na māro saha brahmunā,  
jitaṃ apajitaṃ kayirā  
tathārūpassa jantuno.



**106.**

Trăm năm bỏ cả thời gian  
Chí thành tế tỵ núi vàng, rừng châu  
Chẳng bằng giây lát cúi đầu  
Cúng dường bậc Thánh, dày sâu phước lành!

Māse māse sahasena,  
yo yajetha satam samam,  
ekañca bhāvit'attānam  
muhuttamapi pūjaye,  
sāyeva pūjanā seyyo  
yañce vassasatam hutam.



**107.**

Trăm năm đốt lửa rừng thiêng  
Khẩn cầu tế tự triền miên đêm ngày  
Chẳng bằng chỉ một phút giây  
Cúng dường bậc Thánh, sâu dày phước hơn!

Yo ca vassasataṃ jantu  
aggim paricare vane,  
ekañca bhāvit'attānaṃ  
muhuttamapi pūjaye,  
sāyeva pūjanā seyyo  
yañce vassasataṃ hutam.



**108.**

Suốt năm tế vật cúng dường  
Đề mong phước quả nhờ nương sau này  
Phần tư lợi ích chẳng tày  
Một lần đánh lễ gót mây Thánh Hiền!

Yam kiñci yiṭṭhaṃ va hutaṃ va loke,  
saṃvaccharaṃ yajetha puññapekko,  
sabbampi taṃ na catubhāgāmeti,  
abhivādanā ujjugatesu seyyo.



**109.**

An vui, sắc đẹp, sống lâu  
Dồi dào sức khỏe: Bốn câu chúc mừng!  
Cho ai kính lễ cúc cung  
Những bậc trưởng thượng thuộc dòng Sa-môn.

Abhivādanasīlissa  
niccam vuddhāpacāyino,  
cattāro dhammā vaḍḍhanti  
āyu vaṇṇo sukham balaṃ.



**110.**

Trăm năm sống có ích gì  
Buông lung, phóng dật, ác tri, ác tà  
Một ngày trong cõi người ta  
Sống có giới định - thật là tốt hơn!

Yo ca vassasatam jīve  
dussīlo asamāhito,  
ekāham jīvitam seyyo  
sīlavantassa jhāyino.



**111.**

Trăm năm sống có ích gì  
Buông lung, phóng dật, ác tri, ác tà  
Một ngày trong cõi người ta  
Sống có thiên tuệ - thật là tốt hơn!

Yo ca vassasatam jīve  
duppañño asamāhito,  
Ekāham jīvitam seyyo  
Paññavantassa jhāyino.





**112.**

Trăm năm sống có ích gì  
Dễ duôi, biếng nhác – li bì xác thân  
Khởi tâm nỗ lực tinh cần  
Một ngày như vậy, muôn phần quý hơn!

Yo ca vassasatam jīve  
kusīto hīnavīriyo,  
ekāham jīvitam seyyo  
vīriyamārabhato dāḥam.



### 113.

Trăm năm sống có ích gì  
Pháp đi, pháp đến, vô tri chẳng tường  
Một ngày, quả thật khó lường  
Thấy pháp sanh diệt, vô thường ra sao!

Yo ca vassasataṃ jīve  
apassaṃ udayabbayaṃ,  
ekāhaṃ jīvitaṃ seyyo  
passato udayabbayaṃ.



**114.**

Trăm năm sống có ích gì  
Chẳng thấy Bất Tử, vô vi pháp hành  
Một ngày quả thật trọn lành,  
Thấy pháp Bất Tử, Vô Sanh rõ ràng.

Yo ca vassasatam jīve  
apassam amatam padam,  
ekāham jīvitam seyyo  
passato amatam padam.



**115.**

Trăm năm sống có ích gì  
Giáo Pháp tối thượng, chẳng tri, chẳng hành  
Một ngày quả thật trọn lành,  
Tu tập Giáo Pháp, cao thanh cõi về!

Yo ca vassasataṃ jīve  
apassaṃ dhammamuttamaṃ,  
ekāhaṃ jīvitaṃ seyyo  
passato dhammamuttamaṃ.



## **Chương IX**

### **PĀPAVAGGA (Phẩm Ác)**

## 116.

Mau mau làm các việc lành  
Mau mau ngăn ác phát sanh tâm người  
Tâm người vốn thật dễ duôi  
Nếu chậm thiện nghiệp, ác chồi ló ra!

Abhittharetha kalyāṇe  
pāpā cittaṃ nivāraye,  
dandhan hi karoto puññaṃ  
pāpasmim ramatī mano.



**117.**

Hỡi ai điều ác lỡ làm  
Lặp đi lặp lại dễ thành thói quen  
Điều ác, thỏa thích chẳng nên  
Chứa ác thọ khổ, lời khuyên đạo tình!

Pāpaṃ ce puriso kayirā  
na naṃ kayirā punappunaṃ,  
na tamhi chandaṃ kayirātha  
dukkho pāpassa uccayo.



**118.**

Hỡi ai hoan hỷ làm lành  
Hãy nên tiếp tục cho thành thói quen!  
Điều lành thỏa thích, rất nên!  
Chứa thiện được lạc, lời khuyên đạo vàng!

Puññnaṃ ce puriso kayirā  
kayirā naṃ punappunaṃ,  
tamhi chandaṃ kayirātha  
sukho puññassa uccayo.





**119.**

Người kia làm ác, nghĩ rằng:  
Làm ác được tốt, được hăng an vui  
Đến khi quả dữ chín muồi  
Khổ đau họa hại, rồi đời kẻ ngu!

Pāpopi passati bhadram  
yāva pāpaṃ na paccati,  
yadā ca paccati pāpaṃ  
atha pāpo pāpāni passati.



**120.**

Người kia làm thiện lâu ngày  
Vẫn gặp đau khổ, vẫn hay than phiền  
Đủ duyên, quả tốt đến liền  
An vui, hạnh phúc thiện hiền mến ưa!

Bhadro pi passati pāpaṃ  
yāva bhadraṃ na paccati,  
yadā ca paccati bhadraṃ  
atha bhadro bhadraṇi passati.



**121.**

Nước rơi từng giọt giọt thôi  
Lâu ngày chảy thảng đến hồi tràn lu  
Chút chút việc ác, mặc dù,  
Ngày qua tháng lại, người ngu ác đây!

Māppamaññnetha pāpassa  
na maṃ taṃ āgamissati,  
udabindunipātena  
udakumbho pi pūrati,  
bālo pūrati pāpassa  
thokathokampi ācinaṃ.



**122.**

Nước rơi từng giọt giọt thôi  
Khe nương trăm nẻo đến hồi thành sông  
Chút chút việc thiện nhẹ bỗng  
Mai kia vô lượng hư không cũng tràn!

Māvamaññetha puññassa  
na maṃ taṃ āgamissati,  
udabindunipātena  
udakumbho pi pūrati,  
dhīro pūrati puññassa  
thokathokampi ācinaṃ.



**123.**

Thương buôn lắ**́**m bắ**́**c nɦiề**u** tiề**n**  
Đồ**̀**ng hằ**̀**nh ít ỏ**́**i trá**́**nh miề**n** hiể**m** ho**a**ng  
Muồ**n** sồ**̀**ng, thuố**́**c đố**́**c chớ**́** quầ**̀**ng  
Lắ**́**nh á**́**c cũ**ũ**ng vậ**́**y, rồ**̀** rằ**̀**ng là khồ**n**!

Vāṇijo va bhayaṃ maggaṃ  
appasattho mahaddhano,  
visaṃ jīvitukāmo va  
pāpāni parivajjaye.



**124.**

Tay ta nếu chẳng vết thương  
Dầu cầm thuốc độc chẳng phương hại gì  
    Ác kia vô hiệu tức thì  
Với người đức hạnh thường khi niệm lành.

Pāṇimhi ce vaṇo nāssa  
hareyya pāṇinā viṣaṃ,  
nābbaṇaṃ viṣamanveti  
n'atthi pāpaṃ akubbato.



**125.**

Sống đời trong sạch, thiêng liêng  
Nếu ai hiềm hại, không điên cũng cuồng  
Bụi mù tung ngược gió luồng  
Khổ đau dội lại bằng muôn bằng nghìn!

Yo appaduṭṭhassa narassa dussati  
suddhassa posassa anaṅgaṇassa,  
Tameva bālaṃ pacceti pāpaṃ,  
sukhumo rajo paṭivātaṃ va khitto.



**126.**

Một số sanh thú thai bào  
Bốn đường đau khổ đón chào ác nhân  
Người lành, thiên giới du nhân  
Còn người vô nhiễm, Niết-bàn tĩnh cư.

Gabbhameke uppajjanti  
nirayaṃ pāpakammino,  
saggaṃ sugatino yanti  
parinibbanti anāsavā.





**127.**

Dầu cho động thẳm hang sâu  
Hoặc nơi biển cả, non đầu, rừng thiêng  
Chẳng đâu trốn thoát ưu phiền  
Lỡ gieo ác nghiệp, khổ liền chạy theo!

Trốn vào động thẳm hang sâu  
Ẩn trong núi vắng, non đầu, trùng khơi  
Có đâu một chỗ trên đời  
Mà quả ác nghiệp lại thôi lần tìm!

Na antalikkhe na  
samuddamajjhena pabbatānaṃ  
vivaraṃ pavissa,  
na vijjatī so jagatippadeso  
yatthaṭṭhito mucceyya pāpakammā.



**128.**

Trón vào động thẳm hang sâu  
Ẩn vào núi vắng, non đầu, trùng khơi  
Có đâu một chỗ trên đời  
Tử Thần lại chẳng đến lôi kéo về!

Na antalikkhe na  
samuddamajjhe  
na pabbatānaṃ vivaraṃ pavissa,  
na vijjatī so jagatippadeso  
yatthaṭṭhitāṃ nappasaheyya maccu.



## **Chương X**

### **DANDAVAGGA (Phẩm Hình Phạt)**

**129.**

Ai ai cũng sợ gươm đao  
Ai ai cũng sợ máu đào, thầy phơ  
Bụng ta suy hiểu bụng người  
Chớ nên giết hại, xúi lời giết nhau!

Sabbe tasanti daṇḍassa  
sabbe bhāyanti maccuno,  
attānaṃ upamaṃ katvā  
na haneyya na ghātaye.



**130.**

Ai ai cũng sợ gươm đao  
Người người mạng sống mong sao bảo toàn  
Bụng ta hiểu bụng thế gian  
Chớ nên giết hại, xúi bèn giết nhau!

Sabbe tasanti daṇḍassa,  
sabbesaṃ jīvitam piyaṃ,  
attānaṃ upamaṃ katvā  
na haneyya na ghātaye.



**131.**

Ai ai hạnh phúc cũng cầu  
Tại sao đao trượng hại nhau làm gì?  
Tìm an mà lại ác tri  
Những người như vậy mong chi gặp lành.

Sukhakāmāni bhūtāni  
yo daṇḍena vihiṃsati,  
attano sukhamesāno  
pecca so na labhate sukhaṃ.



**132.**

Ai ai hạnh phúc cũng cầu  
Tại sao đao trượng hại nhau làm gì?  
Xa lìa ác niệm ấy đi  
Báo thân xả bỏ, tức thì nhàn sanh.

Sukhakāmāni bhūtāni  
yo daṇḍena na hiṃsati,  
attano sukhamesāno  
pecca so labhate sukhaṃ.



**133.**

Giận nhau, thô lỗ, cộc cằn  
Người kia trả miếng cũng ngần ấy thôi!  
Khổ thay! Phần hận trên đời  
Vết thương dao xé: Tiếng lời lại qua!

Māvoca pharusam kañci  
vuttā paṭivadeyyu taṃ,  
dukkhā hi sārambhakathā  
paṭidaṇḍā phuseyyu taṃ.





**134.**

Tự mình nếu biết lặng yên  
Không còn oán nộ, chẳng hiềm hại ai  
Như chuông đã bể tiếng rồi  
Ai mà được vậy, kẻ nơi Niết-bàn.

Sace n'eresi attānaṃ  
kaṃso upahato yathā,  
esa pattosi nibbānaṃ  
sārambho te na vijjati.



**135.**

Người chăn dùng gậy lừa dê  
Lừa từng con một đi về đồng xa  
Tuổi già, sự chết cũng là  
Lừa từng mạng sống chúng ta xuống mồ!

Yathā daṇḍena gopālo  
gāvo pājeti gocaraṃ,  
Evaṃ jarā ca maccu ca  
āyuraṃ pājenti pāṇinaṃ.



**136.**

Người ngu ác độc, tội lỗi  
Vẫn không nhận thức việc làm cuồng si  
Nghịệp kia cho quả tức thì  
Bị thiêu, bị nấu có chi phải ngờ!

Atha pāpāni kammāni  
karam bālo na bujjhati,  
sehi kammehi dummedho  
aggidaḍḍho va tappati.



**137.**

Dùng đao hại kẻ “*không đao*”<sup>(1)</sup>  
Trượng hại “*không trượng*”<sup>(2)</sup> khác nào tự thiêu!  
Ai kia thọ khổ mười điều  
Chịu quả khốc liệt cùng nhiều tai ương!

Yo daṇḍena adaṇḍesu  
appaḍuṭṭhesu dussati,  
dasannamaññataraṃ tṇānaṃ  
khippameva nigacchati.



---

<sup>(1)</sup>Hàm chỉ bậc Thánh.

<sup>(2)</sup>Hàm chỉ bậc Thánh.

**138.**

Một là nhức nhối đau thương  
Hai là họa biến, khôn đường trở xoay  
Ba là thương tích mặt mày  
Bốn là trọng bệnh, thuốc thầy chẳng xong!

Vedanam pharusam jāṇim  
sarīrassa ca bhedanam,  
garukam vā pi ābādham  
cittakkhepam ca pāpune.



**139.**

Năm là tâm trí loạn cuồng  
Sáu, bị hại bởi lực quyền vua quan  
Bảy, chịu trọng tội cáo oan  
Tám là gia quyền các hàng phân ly!

Rājato vā upasaggam  
abbhakkhānañca dāruṇam,  
parikkhayam va ñātīnam  
bhogānam va pabhaṅguraṃ.



**140.**

Chín là tài sản ra đi  
Mười là nhà cửa, lắm kỳ hỏa tai  
Đến khi thọ mạng hết rồi  
Chung thân địa ngục đồng sôi, chảo dầu!

Atha vāssa agārāni  
aggi dahati pāvako,  
kāyassa bheda duppañño  
nirayaṃ so'papajjati.



**141.**

Bằng cách lỏa thể lang thang  
Hoặc là bện tóc tro than trét mình  
Hoặc như bơi mặt bùn sinh  
Hay là tuyệt thực tóp hình sậy khô  
Tu gì đất bản nằm co  
Lấm lem bụi dính, phết như dọa người?  
Ngồi xồm hoặc nháy loi choi  
Nhịn ăn, nín thở sống đời dị nhân!  
Ấy là thanh lọc thân tâm?  
Hoài nghi trừ diệt, thánh nhân đời này?!  
Than ôi! Khổ hạnh đặt bày  
Nhân khổ, quả khổ biết hay trí cuồng?!

Na naggacariyā na jaṭā na paṅkā  
nānāsakā thaṇḍilasāyikā vā,  
rajo ca jallamaṃ ukkuṭikappadhānaṃ,  
sodhenti maccaṃ avitiṇṇakaṅkamaṃ.





**142.**

Người kia dẫu đẹp phục trang  
Sống đời thanh tịnh, tĩnh an tục trần  
Sáu căn chế ngự tinh thuần  
Sống đời phạm hạnh trong ngần pha lê  
Bước trên chánh đạo mà về  
Từ tâm vô lượng, chẳng hề trượng đao!  
Tỳ-khuru, Phạm chí khác nào  
Sa-môn, khát sĩ gọi sao cũng là!

Alaṅkato ce pi samaṃ careyya,  
santo danto niyato brahmacārī,  
sabbesu bhūtesu nidhāya daṇḍaṃ,  
so brāhmaṇo so samaṇo sa bhikkhu.



**143.**

Hiếm thay người ở thế gian  
Đã biết tự chế, lại càng tự khiêm!  
Biết hổ thẹn, thoát chề gièm  
Như con tuần mã tài hiền tránh roi.

Hirīnisedho puriso  
koci lokasmi vijjati,  
yo niddaṃ apabodheti  
aṣṣo bhadro kasāṃiva.



**144.**

Ngựa hiền chỉ thấy bóng roi  
Tinh cần, giới đức sáng ngời tín tâm  
Định thiền, trạch pháp, tư tầm  
Kiên trì, đạo hạnh trong ngần như gương  
Đủ đầy chánh niệm lên đường  
Những người như vậy, tai ương tận là!

Asso yathā bhadro kasāniviṭṭho  
ātāpino saṃveginō bhavātha,  
saddhāya sīlena ca vīriyena ca  
samādhinā dhammavinicchayena ca,  
samppannavijjācaraṇā patissatā  
jahissatha dukkhamidaṃ anappakaṃ.



**145.**

Hãy xem dẫn nước, đào mương  
Mũi tên khéo uốn thành đường thẳng ngay  
Bánh xe tròn đều, tài hay!  
Hành trì tốt đẹp, xứng thay, tự điều!

Udakam hi nayanti nettikā  
usukārā namayanti tejanam,  
dārum namayanti tacchakā  
attānam damayanti subbatā.



## **Chương XI**

### **JARĀVAGGA (Phẩm Già)**

**146.**

Sao còn thích thú vui cười  
Đắm say khoái lạc khi đời lửa thiêu?  
Bao trùм tắm tối muôn chiều  
Không tìm đèn sáng, tiêu diêu mà về?

Ko nu hāso kimānando  
niccam pajjalite sati,  
andhakārena onaddhā  
padīpaṃ na gavesatha.



**147.**

Nhìn kia! Thở xác “*mê hồn*”!  
Đông phân, hằm bệnh lại còn đờn đau!  
Muru toan lo trước, tính sau  
Có chi bền vững mà cầu trường sanh?!

Passa cittakatam bimbam  
arukāyam samussitam,  
āturam bahusaṅkappam  
yassa n,atthi dhuvam ṭhiti.



**148.**

Thân này sẽ bị suy già  
Thường hay tật bệnh lại hòa uế nhơ  
Mỏng manh mạng sống từng giờ  
Tử Thần bên cửa, đợi chờ mang đi!

Parijñanamidaṃ rūpaṃ  
rogaññāṃ pabhaṅguraṃ,  
bhijjati pūtisandeho  
maraṇantanhi jīvitam.





**149.**

Mùa thu nhìn trái bầu khô  
Người ta quăng bỏ vạt vơ xó đường  
Như bồ câu trắng, trắng xương  
Quý gì, thích thú mà trơ mắt nhìn?!

Yān'imāni apatthāni  
alābūn'eva sārade,  
kāpotakāni aṭṭhīni  
tāni disvāna kā rati.



**150.**

Thành trì kẹp cốt, bó xương  
Đắp thêm máu thịt, tô hường, phết son!  
Mang thêm tật bệnh, tử vong  
Chứa đầy ngã mạn, lại gom dối lừa!

Aṭṭhīnaṃ nagaraṃ kataṃ  
maṃsalohitalepanaṃ,  
yattha jarā ca maccu ca  
māno makkho ca ohito.



### 151.

Xe vua đẹp để đường bao  
Trang hoàng lộng lẫy, hư hao đến kỳ  
Thân này đến lúc lão suy  
Pháp bậc Thánh Thiện, vô vi chẳng già!  
Dành cho hiền trí gần xa...

Jīranti ve rājarathā sucittā  
atho sarīrampi jaraṃ upeti,  
satañca dhammo na jaraṃ upeti  
santo have sabbhi pavedayanti.



**152.**

Kẻ kia kém học, ít nghe  
Nở nang, cường tráng, to bè như trâu  
Lớn lên, đông thịt lớn mau  
Nhưng mà trí tuệ có đâu lớn cùng?!

Appassut'āyaṃ puriso  
balivaddo va jīrati,  
maṃsāni tassa vaḍḍhanti  
paññā tassa na vaḍḍhati.



**153.**

Tìm trong vạn kiếp luân hồi  
Vẫn không gặp kẻ xây ngôi nhà này<sup>(1)</sup>  
Lang thang sinh tử đoạ đày!  
Khổ đau tiếp diễn, bèo mây nghìn trùng!

Anekajāṭisaṃsāraṃ  
sandhāvissaṃ anibbisaṃ,  
gahakāraṃ gavesanto  
dukkhā jāti punappunaṃ.



---

<sup>(1)</sup> Ngôi nhà ngũ uẩn.

## 154.

Này hỡi anh thợ làm nhà!<sup>(1)</sup>  
Tuổi tên, mặt mũi yêu ma thấy rồi!  
Đòn đông, kéo cột gãy đôi<sup>(2)</sup>  
Rui mè, tre ván, kíp thời phá tan<sup>(3)</sup>  
Ta vô tạo tác lên đàng  
Ái tham tận diệt, Niết-bàn thông dong!

Gahakāraka diṭṭho'si  
puna gehaṃ na kāhasi,  
sabbā te phāsukā bhaggā  
gahakūṭaṃ visaṅkhataṃ,  
visaṅkhāragataṃ cittaṃ  
taṇhānaṃ khayamajjhagā.



---

<sup>(1)</sup> Ái (Taṇhā)

<sup>(2)</sup> Thân (Kāya)

<sup>(3)</sup> Phiền não (Kilesa)

**155.**

Trẻ không sớm biết tu trì  
Để dành tài sản kíp thì mai sau  
Cò già ử rữ bên ao  
Cá tôm chẳng có, hư hao chết mòn!

Acaritvā brahmacariyaṃ  
aladdhā yobbane dhanam,  
jiṇṇakoñcā va jhāyanti  
khīṇamacche va pallale.



**156.**

Trẻ không sớm biết tu trì  
Để dành tài sản kíp thì mai sau  
Như cung vô dụng gãy đầu  
Nhìn về dĩ vãng, muộn sầu thở than!

Acaritvā brahmacariyaṃ  
aladdhā yobbane dhanam,  
senti cāpātikhīṇāva  
purāṇāni anutthunaṃ.





## **Chương XII**

### **ATTAVAGGA (Phẩm Tự Ngã)**

**157.**

Thương mình phải biết yêu mình  
Phải chăm kẻ trộm rập rình ngày đêm  
Ba canh<sup>(1)</sup>, bậc trí chẳng quên  
Luôn luôn tỉnh thức kẻ bên trông chừng!

Attānānce piyaṃ jaññā  
rakkheyya naṃ surakkhitāṃ,  
tiṇṇaṃ aññataraṃ yāmaṃ  
paṭijaggeyya paṇḍito.



---

<sup>(1)</sup> Chú giải nói, ba canh là ba giai đoạn của đời người: Thiếu, trung và lão.

**158.**

Tự mình kiên định không sờn  
Tự mình củng cố chánh chơn Con Đường<sup>(1)</sup>  
Mới đi giáo hóa muôn phương  
Bậc trí như vậy, chẳng vương nhiễm gì!

Attānameva paṭhamam  
patirūpe nivesaye,  
athaññamanusāseyya  
na kilisseyya paṇḍito.



---

<sup>(1)</sup> Magga: Đạo.

**159.**

Tự mình tu tập thế nào  
Mới mong giáo hóa ra sao cho người  
Khéo thay, chế ngự mình rồi  
Mới mong điều phục cõi đời lao xao!

Attānañce tathā kayirā  
yathānna manusāsati,  
sudanto vata dammetha  
attā hi kira duddamo.



**160.**

Tự ta bảo hộ cho ta  
Có ai nương tựa gần xa mà cầu!  
Tự mình chế ngự làm đầu  
Khó khăn điều phục, gắng lâu cũng thành !

Attā hi attano nātho  
ko hi nātho paro siyā,  
attanā va sudantena  
nātham labhati dullabham.



**161.**

Việc dữ vốn tự mình sanh  
Tự khởi, tự tạo, tự hành ác tri  
Nó nghiền nát kẻ ngu si  
Kim cương rạch vết, nghĩa gì bảo châu!

Attanā hi kataṃ pāpaṃ  
attaṃ attasambhavaṃ,  
abhimatthati dummedhaṃ  
vajiraṃ v'asmamayā maṇiṃ.



**162.**

Như thân dây māluvā  
Bám ghì, đeo siết – sālā chết dần  
Nếu ta quá nhiễm dục trần  
Kẻ thù không giết, tự thân giết mình!

Như dây leo bám siết cây  
Nhánh cành tàn tạ đợi ngày chết khô  
Quá nhiều dục lạc nhiễm ô  
Là ta đã tự đào mồ chôn ta!

Yassa accantadussīlyam  
māluvā sālāmiv’otthatam,  
karoti so tathattānam  
yathā nam icchatī diso.



**163.**

Những việc xấu quấy, dễ làm!  
Hại mình cũng vậy, lại càng quen tay!  
Than ôi! Việc đẹp, việc hay  
Tốt lành, lợi lạc, đời này, khó sao!

Sukarāṇi asādhūni  
attano ahitāni ca,  
yaṃ ve hitaṇca sādhuṇca  
taṃ ve paramadukkaraṃ.





**164.**

Cũng vì cuồng dại, mê lầm  
Người kia phỉ báng ân thâm Phật-đà  
Cười chê thánh hạnh Tăng-già  
Miệt thị Chánh Pháp thật là chua cay  
Bởi do ác kiến sâu dày  
Bông tre kết hạt, diệt ngay chính mình!

Yo sāsanaṃ arahataṃ  
ariyānaṃ dhammajīvināṃ,  
paṭikkosati dummedho  
ditṭhiṃ nissāya pāpikaṃ,  
phalāni kaṭṭhakasseva  
attaḡhaññāya phallati.



**165.**

Làm điều ác dữ do ta  
Tạo nên ô nhiễm cũng là mình thôi  
Tự tôi trong sạch, bởi tôi!  
Chẳng ai trong sạch cho người, có đâu!

Attanā hi kataṃ pāpaṃ  
attanā saṃkilissati,  
attanā akataṃ pāpaṃ  
attanā va visujjhati,  
suddhī asuddhi paccattaṃ  
n'añño aññaṃ visodhaye.



**166.**

Không vì an lạc cho đời  
Chẳng vì lợi ích cho người thế gian  
Mà quên tối thượng Con Đàng  
Mà quên tự lợi: Niết-bàn chánh tri!

Attadattham paratthena  
bahunā pi na hāpaye,  
attadatthamabhiññāya  
sadatthapasuto siyā.



## **Chương XIII**

### **LOKAVAGGA (Phẩm Thế Gian)**

**167.**

Chạy theo phóng dật, chớ nên!  
Đua đòi tham vọng thấp hèn, hay chi?  
Tin đâu tà kiến ngu si  
Quý gì nuôi lớn hữu vi tục trần?!

Hīnaṃ dhammaṃ na seveyya  
pamādena na saṃvase,  
micchādiṭṭhiṃ na seveyya  
na siyā lokavaḍḍhano.



**168.**

Tự nỗ lực, chẳng buông lung!  
Thực hành chánh pháp vô cùng trang nghiêm  
Có tu, có chí thì nên  
An vui, lợi lạc, phúc duyên nhiều đời!

Uttitthe nappamajjeyya  
dhammaṃ sucariṭaṃ care,  
dhammacārī sukhaṃ seti  
asmim loke paramhi ca.



**169.**

Phải theo chánh pháp tu trì  
Lìa xa ác đạo, ác tri sai lầm  
Chớ theo trước hạnh, ngu nhân  
Phúc lành, an lạc đời gần, đời xa!

Dhammaṃ care sucaritaṃ  
na naṃ duccaritaṃ care,  
dhammacārī sukhaṃ seti  
asmiṃ loke paramhi ca.



**170.**

Hãy xem bọt nước lao xao!  
Hãy nhìn ảo ảnh, chiêm bao chập chờn!  
Thế gian hoa đốm, mộng trường  
Thấy được như vậy, Tử Vương khó dò!

Yathā pubbulakam passe  
yathā passe marīcikam,  
evam lokam avekkhantam  
maccurājā na passati.





**171.**

Thế gian đẹp để xiết bao  
Long xa mỹ lệ, lụa đào, gấm hương!  
Mê nhân chết sống bên đường  
Trí nhân thanh thản, chẳng vương dính gì!

Etha passath'imam lokam,  
cittam rājarath'ūpamam,  
yattha bālā visīdanti  
n'atthi saṅgo vijānatam.



**172.**

Trước kia phóng túng, mê mờ  
Ngày sau tỉnh niệm, hướng bờ giác xa  
Đưa tay vén đám mây qua  
Vàng trắng ló dạng, nguy nga hạ huyền!

Yo ca pubbe pamajjitvā  
pacchā so nappamajjati,  
somaṃ lokaṃ pabhāseti  
abbhā mutto va candimā.



**173.**

Hồi đầu làm các hạnh lành  
Xóa mờ ác nghiệp đã sanh thuở nào  
Trí nhân chiếu sáng trần lao  
Trời quang, mây tạnh, trăng sao đời này!

Yassa pāpaṃ kataṃ kammaṃ  
kusalena pidhīyati,  
somaṃ lokaṃ pabhāseti  
abbhā mutto va candimā.



**174.**

Thế gian loáng quáng mù manh  
Hiếm thay ít kẻ mắt lành, sáng trong!  
Lưới trù, chim khó thoát lồng  
Bay lên nhàn cảnh, thật không mấy người!

Andhabhūto ayam loko  
tanukettha vipassati,  
sakuṇo jālamuttova  
appo saggāya gacchati.



**175.**

Thiên nga cất cánh thênh thang  
Thần thông bay lượn không gian nghìn trùng  
Ma Vương, thắng phục, đã xong!  
Bậc trí lìa thoát trần hồng ra đi!



**175.**

Haṃsādiccapathe yanti  
ākāse yanti iddhiyā,  
nīyanti dhīrā lokamhā  
jetvā māraṃ savāhinim.



**176.**

Những ai nói dối thành quen  
Làm các việc ác tự nhiên như ruồi  
Cười chê, bác bỏ luân hồi  
Ác trí như vậy, đồng sôi, chảo dầu!

Ekam dhammam atītassa  
musāvādisa jantuno,  
vitinṇaparalokassa  
n'atthi pāpam akāriyam.



**177.**

Làm sao bunn xin sanh thiên?  
Khen người rộng lượng, kẻ điên, mong gì!  
Trí nhân bổ thí, xả ly  
Hỷ hoan lạc báo, có chi phải ngờ!

Na ve kadariyā devalokaṃ vajanti  
bālā have nappasaṃsanti dānaṃ,  
dhīro ca dānaṃ anumodamāno  
ten'eva so hoti sukhī parattha.



**178.**

Dầu cho bá chủ, vương quyền  
Hoặc là thượng giới, thần tiên, thiên đàng  
Địa cầu, chúa tể cao sang  
Thua xa, xa tít, dự hàng Thánh Lưu!

Pathabyā ekarajjena  
saggassa gamanena vā,  
sabbalokādhīpaccena  
sotāpattiphalaṃ varam.





**Chương XIV**

**BUDDHAVAGGA**  
**(Phẩm Đức Phật)**

## 179.

Vô biên, hành xứ Như Lai!  
Chiến bất khả bại<sup>(1)</sup>, chẳng ai sánh đồng!  
Vinh thay! Phật giới mênh mông!  
Chẳng để vết tích, chân không dính gì!<sup>(2)</sup>  
Vinh thay! Uy lực vô vi!<sup>(3)</sup>  
Có ai thấy dấu bước đi của ngài?<sup>(4)</sup>

Yassa jitaṃ nāvajīyati  
jitamassa no yāti koci loke,  
taṃ buddhamanantagocaraṃ  
apadaṃ kena padena nessatha.



---

<sup>(1)</sup> Cuộc chiến thắng tham, sân, si.

<sup>(2)</sup> Mọi vết tích của hữu vi, phiền não.

<sup>(3)</sup> 10 Phật lực, 9 hồng danh.

<sup>(4)</sup> Giải thoát ngoài 3 cõi, không còn dấu vết tâm hành.

**180.**

Rối ren, hỗn tạp hết rồi  
Ái dục, triền phược kéo lôi ngỗ nào?  
Đi không dấu tích trần lao  
Phật giới tối thượng biết sao mà bàn?  
Bước ra khỏi cõi ba ngàn  
Ma Vương lần vết xuất phạm được ư?!

Yassa jālinī visattikā  
tanhā n'atthi kuhiñci netave,  
taṃ buddhamanantagocaraṃ  
apadaṃ kena padena nessatha.



**181.**

Trí nhân vui hạnh khước từ  
Tinh cần thiền quán, tĩnh cư lòng mình  
Chư thiên ái kính, hoan nghinh  
Phật luôn chánh niệm, giác minh tròn đầy!

Ye jhānapasutā dhīrā  
nekkhammūpasame ratā,  
devāpi tesam pihayanti  
sambuddhānaṃ satīmatam.



**182.**

Hiếm thay! Sanh được làm người  
Hiếm thay! Sống được một đời lành trong  
Hiếm thay! Nghe pháp chánh tông  
Hiếm thay! Vị Phật trần hồng Đản Sinh

Kiccho manussapaṭilābho  
kicchamaṃ maccāna jīvitamaṃ,  
Kicchamaṃ saddhammassavanaṃ  
kiccho buddhānamuppādo.



**183.**

Vui thay! Điều ác không làm  
Vui thay! Việc thiện lại chăm làm hoài  
Tự tâm thanh lọc trong ngoài  
Ấy là giáo huấn ba đời Thế Tôn!

Sabbapāpassa akaraṇaṃ  
kusalassa upasampadā,  
Sacittapariyodapanam  
etaṃ buddhāna sāsanaṃ.



**184.**

Nhẫn kham: Khổ hạnh nhất đời  
Niết-bàn là cõi tuyệt vời, tối cao  
Xuất gia không hại người nào  
Sa-môn chẳng dính trượng đao giữa đời!

Khantī paramaṃ tapo titikkhā  
nibbānaṃ paramaṃ vadanti buddhā,  
Na hi pabbajito parūpaghātī  
na samaṇo hoti paraṃ viheṭṭhayanto.



**185.**

Sống đời vô hại, vô vi  
Giới điều thu thúc, hộ trì các căn  
Tri túc, dị giả uổng ăn  
Độc cư tịch tịnh, Phật hăng thuyết ngôn!

Anūpavādo anūpaghāto  
pātimokkhe ca saṃvaro,  
mattaññutā ca bhattasmim  
pantañca sayanāsanam,  
adhicitte ca āyogo  
etaṃ buddhāna sāsanaṃ.





**186.**

Trận mưa bảy báu đầy tràn  
Chẳng làm thỏa mãn ái tham lòng người  
Dục khổ nhiều, lạc ít thôi  
Chỉ bậc trí hiểu, bẻ mỗi câu đi!

Na kahāpaṇavassena  
titti kāmesu vijjati,  
appassādā dukkhā kāmā  
iti viññāya paṇḍito.



**187.**

Cho nên đệ tử Thánh Hiền  
Chẳng tìm khoái lạc thần tiên cảnh trời  
Hỷ hoan ái dục diệt rồi  
Niết-bàn vắng lặng, nghỉ ngơi vẹn toàn!

Api dibbesu kāmesu  
ratim so nādhigacchatī,  
taṇhakkhayarato hoti  
sammāsambuddhasāvako.



**188.**

Loài người hoảng hốt, hoảng kinh  
Đi tìm nhiều chỗ cho mình tựa nương  
Vào nơi cây cối, ruộng vườn  
Hoặc là đền tháp, núi rừng, miếu hoang!

Bahum ve saraṇaṃ yanti  
pabbatāni vanāni ca,  
ārāmarukkhacetyāni  
manussā bhayatajjitā.



**189.**

Ấy đâu phải chỗ an toàn  
Là nơi bảo vệ cho hàng trí nhân  
Chẳng đâu thoát khỏi mê trần  
Chẳng đâu ẩn trốn dấu chân khổ hình!

N'etaṃ kho saraṇaṃ khemaṃ  
n'etaṃ saraṇamuttamaṃ,  
n'etaṃ saraṇamāgama  
sabbadukkhā pamuccati.



**190.**

Quy y Phật Bảo quang vinh  
Quy y Pháp Bảo cao minh rạng ngời  
Quy y Tăng Chúng ba đời  
Quy y như vậy, chính nơi hướng về!

Yo ca buddhañca dhammañca  
saṅghañca saraṇaṃ gato,  
cattāri ariyasaccāni  
sammappaññāya passati.



**191.**

Chánh tri đâu khổ, đâu mê  
Chánh tri Tứ Đế, Bồ-đề tự tâm!  
Lần theo Bát Chánh, Giác phần  
Vượt qua khổ nạn, mê tân đời này.

Dukkham dukkhasamuppādam  
dukkhassa ca atikkamaṃ,  
ariyaṃ c'aṭṭhaṅgikaṃ maggaṃ  
dukkhūpasamagāminam.



**192.**

Quy y ấy quả cao dày  
Quy y tối thượng, đâu tày mà so!  
Quy y tận khổ, vô lo,  
Quy y, giải thoát, thấy đò ngàn sông!

Etam kho saraṇaṃ khemaṃ  
etaṃ saraṇamuttamaṃ,  
etaṃ saraṇamāgama  
sabbadukkhā pamuccati.



**193.**

Khó thay! Thật hiếm có người  
Vĩ nhân hiền thiện ra đời ở đây  
Chỉ đâu phúc đủ, duyên đầy  
Nơi ấy, bậc trí đợi ngày giáng sinh!

Dullabho purisājañño  
na so sabbattha jāyati,  
yattha so jāyati dhīro  
taṃ kulam sukhamedhati.





**194.**

Lành thay! Chư Phật giáng sinh!  
Lành thay! Chánh Pháp quang minh ba tòa!  
Lành thay! Tăng Bảo lục hòa!  
Lành thay! Tứ Chúng một nhà đồng tu!

Sukho buddhānamuppādo  
sukhā saddhammadesanā,  
sukhā saṅghassa sāmaggī  
samaggānaṃ tapo sukho.



**195.**

Xứng thay! Bậc đáng cúng dường  
Thế Tôn, môn đệ các hàng Thanh Văn!  
Quý ngài an tĩnh lục căn  
Vượt qua hý luận, tham sân, não phiền.

Pūjārahe pūjayato  
buddhe yadi va sāvake,  
papañcasamatikkante  
tiṇṇasokapariddave.



**196.**

Xứng thay! Bậc đáng cúng dường  
Người có tuệ giác, thơm hương Niết-bàn  
Vô vi, vô úy, tĩnh an  
Cúng dường như vậy, cao sang phước mầu.

Te tādise pūjayato  
nibbute akutobhaye,  
na sakkā puññaṃ saṅkhātum  
imettamapi kenaci.



**Chương XV**

**SUKHAVAGGA**  
**(Phẩm An Lạc)**

**197.**

Vui thay! Sống chẳng oán cừu  
Giữa người thù hận, không thù hận ai  
Vui thay! Thoát sợ, là tai  
Vô cùng an lạc, tương lai, đời này!

Susukhaṃ vata jīvāma  
verinesu averino,  
verinesu manussesu  
vihārāma averino.



**198.**

Vui thay! Sống chẳng ốm đau  
Giữa người lắm bệnh, ta đâu bệnh gì!  
Vui thay! Chẳng ốm đau chi  
Giữa người ươn yếu, ta thì khỏe không!

Susukhaṃ vata jīvāma  
āturesu anāturā,  
āturesu manusseṣu  
viharāma anāturā.



**199.**

Vui thay! Sống chẳng rộn ràng  
Giữa người bận rộn: Lạc nhàn, vô vi!  
Vui thay! Chẳng khát khao gì  
Giữa người khao khát, ta thì lặng không!

Susukhaṃ vata jīvāma  
ussukesu anussukā,  
ussukesu manassesu  
viharāma anussukā.



**200.**

Vui thay! Chường ngại lìa xa  
Là vô sở hữu, chẳng ta, chẳng người!  
Sống, ăn pháp lạc tuyệt vời  
Tựa như tịnh xứ cõi trời Quang Âm!

Susukhaṃ vata jīvāma  
yesaṃ no n'atthi kiñcanaṃ,  
pītibhakkhā bhavissāma  
devā ābhassarā yathā.





**201.**

Chiến thắng nuôi dưỡng hận thù  
Còn kẻ thua, bại - khổ sầu chẳng nguôi  
Phủ tay thắng, bại trên đời  
Ngủ ngon, vô sự, ba thời lạc an.

Jayaṃ veraṃ pasavati  
dukkhaṃ seti parājito,  
upasanto sukhaṃ seti  
hitvā jayaparājayaṃ.



**202.**

Lửa nào so nổi lửa tham?  
Ác nào sánh tựa ác sân hiềm thù?  
Khổ bằng ngũ uẩn, có như?  
Lạc nào đôi được vô dư Niết-bàn?

Lửa bằng tham ái, có không?  
Ác bằng ác hận, rùa lông dễ tìm!  
Khổ bằng ngũ uẩn, khó tin!  
Lạc bằng Tịch Diệt, xem chim mọc sừng!

N'atthi rāgasamo aggi  
n'atthi dosasamo kali,  
n'atthi khandhasamā dukkhā  
n'atthi santiparaṃ sukhaṃ.



### 203.

Tối trọng là bệnh đói ăn  
Trầm kha là bệnh các hành<sup>(1)</sup> rối ren!  
Niết-bàn vô thượng, vô phiền  
Hưởng niềm pháp lạc, Thánh Hiền đời nay!

Jighacchāparamā rogā  
saṅkhāraparamā dukhā,  
etaṃ ñatvā yathābhūtaṃ  
nibbānaṃ paramaṃ sukhaṃ.



---

<sup>(1)</sup> Saṅkhāra: Hành trong 12 duyên khởi, trong ngũ uẩn.

**204.**

Không bệnh: Lợi ích xiết bao!  
Vừa lòng, biết đủ: Phú hào bảo châu!  
Tín thành: Quyến thuộc hàng đầu  
Niết-bàn: An lạc, nhiệm mầu tối tôn!

Ārogyaparamā lābhā  
santutṭhiparamaṃ dhanam,  
vissāsaparamā ñāti  
nibbānaṃ paramaṃ sukhaṃ.



**205.**

Ăn cư, hương vị nếm rồi  
Và vị tịch tịnh, nhiều đời lạc an  
Còn vị Giáo Pháp hỷ hoan  
Chẳng còn lo sợ, xấu gian tận là.

Pavivekarasaṃ pitvā  
rasaṃ upasamassa ca,  
niddaro hoti nippāpo  
dhammapītiraṃ pivāṃ.



**206.**

Quý thay! Thấy được Thánh Nhân  
Vì ta hưởng được lạc ân của người  
Vui thay! Sống ở trên đời  
Mà ta chẳng gặp những nòi ngu si!

Sādhū dāssanāmarīyānaṃ  
sannivāso sadā sukho,  
adassanena bālānaṃ  
niccameva sukhī siyā.



**207.**

Người ngu, ai đã sống chung  
Phải mang sầu muộn biết chừng nào thôi!  
Người ngu, bằng hữu lỡ rồi  
Bạn thù như thế, kết đôi, lẽ nào?  
Vui thay! Bậc trí thanh cao  
Sống gần vị ấy, trăng sao đời mình!

Bālaṅgatacārī hi  
dīghamaddhāna socati,  
dukkho bālehi saṃvāso  
amitteneva sabbadā,  
dhīro ca sukhasaṃvāso  
ñātīnaṃ va samāgamo.



**208.**

Trí nhân, thượng sĩ, thánh nhân  
Thông minh, giác tuệ, giới phần trang nghiêm  
Làm bạn với bậc Thiện Hiền  
Đường trắng sáng rõ qua miền đầy sao!

Tasmā hi dhīrañca paññañca bahussutañca  
dhorayhasīlam vatavantamariyam,  
tam tādīsam sappurīsam sumedham  
bhajetha nakkhattapatham va candimā.





## **Chương XVI**

### **PIYAVAGGA (Phẩm Thương, Ái)<sup>(1)</sup>**

---

<sup>(1)</sup> Cần phân biệt một số từ có từ gốc “Ái”, đó là piya, pema, rati, rāgī, rāga, kāma, taṇhā... Piya, pema thường dùng trong nghĩa thương yêu, trù mến, thân yêu, thương mến, yêu quý, yêu mến... là những tình cảm tốt đẹp trong đời thường như cha mẹ, vợ con, bằng hữu, xóm làng, quê hương... Rati, rāgī, rāga được dùng khi tình cảm đã sâu nặng, như quyến luyến, luyến thương, ái luyến đưa đến dục tình, tình dục... Kāma thì thuộc về tất cả dục ngũ trần, thuộc dục giới. Taṇhā là ái, ái dục nằm trong 12 duyên khởi; khi nó thích thì yêu, thương, tham - khi không thích thì sinh ra ghét, chán, sân. Tuy nhiên, dù thương, dù ái kiêu gì thì cũng đem đến buộc ràng, đau khổ... như tham, thương nhiều thì khổ nhiều; tham, thương ít thì khổ ít vậy (Đây là sự thấy biết riêng, có tính chủ quan của soạn giả, có thể chưa được chính xác hoặc có một vài sai sót nào đó, xin các bậc thức giả, trí giả hiểu cho).

**209.**

Đáng làm thì lại bỏ quên  
Chăm chuyên những việc chẳng nên chút nào  
Thả cho dục vọng tuôn trào  
Quên mục đích chính, lộn vào dòng mê!  
Đã không cố gắng quay về  
Lại còn ganh tị, cười chê người hiền!

Chánh chơn thì lại bỏ bên  
Chăm chuyên những việc chẳng nên chút nào!  
Xa mục đích, dục tuôn trào  
Chạy theo những việc tào lao giữa đời  
Lại còn dè bủ, ỉ ôi  
Ty ganh những bậc chẳng rời hướng tu!

Ayoge yuñjamattānaṃ  
yogasmiñ ca ayojayamaṃ,  
atthamaṃ hitvā piyaggāhī  
pihetattānuyoginaṃ.



## 210.

“*Thương yêu*” thì chớ tìm gần  
Kẻ mình chẳng thích, phải cần tránh mau!  
Người thương không gặp thì sâu  
Còn kẻ mình ghét, mầy chau ích gì!

Mā piyehi samāgañchi<sup>(1)</sup>  
appiyehi kudācanam,  
piyānam adassanam dukkham  
appiyānañca dassanam.



---

<sup>(1)</sup> Piya: Thân yêu, yêu quý, thương mến...(có từ gốc Ái dục – taṇhā); nó là tình thường trong đời sống, chưa quá đà, chưa có tội lỗi, nhưng cũng phát sanh khổ (Người biên soạn).

**211.**

Vậy nên chớ có thương ai  
Thương người mà phải xa người, khổ thay!  
Ghét, yêu – ái khởi, duyên bày  
Lìa được yêu, ghét - cởi dây buộc ràng!

Tasmā piyaṃ na kayirātha  
piyāpāyo hi pāpako,  
ganthā tesam na vijjanti  
yesam n'atthi piyāppiyaṃ.



212.

“*Thân yêu*” sinh bệnh phiền ưu  
Lại sinh sợ hãi, lo âu nhiều bề  
Không thân yêu, chẳng thích mê  
U sầu, sợ hãi - ê chề trốn xa!

Piyato jāyatī soko  
piyato jāyatī bhayaṃ,  
piyato vippamuttassa  
n’atthi soko kuto bhayaṃ.



## 213.

“*Trìu mến*” sinh bệnh phiền ưu  
Lại sinh sợ hãi, lo âu nhiều bề  
Không *trìu mến*, chẳng thích mê  
U sầu, sợ hãi - cận kề được đâu!

Pemato jāyatī soko<sup>(1)</sup>  
pemato jāyatī bhayaṃ,  
pemato vip̐pamuttassa  
n’atthi soko kuto bhayaṃ.



---

<sup>(1)</sup> Pema: Thương yêu, *trìu mến*...; cũng có từ gốc *taṇhā* – ái dục; là tình cảm tốt trên cuộc đời như thương vợ, thương con; chưa có tội lỗi nhưng cũng đưa đến phiền não (Người biên soạn).

**214.**

“*Luyện ái*” sinh bệnh phiền ưu  
Lại sinh sợ hãi, lo âu nhiều bề  
Không luyện ái, chẳng đắm mê  
U sầu, sợ hãi - chúng chê dở mỗi!

Ratīyā jāyatī soko<sup>(1)</sup>  
ratīyā jāyatī bhayaṃ,  
ratīyā vip̐pamuttassa  
n’atthi soko kuto bhayaṃ.



---

<sup>(1)</sup> Rati: Luyện ái, phát sanh dục tình – có từ gốc Ái dục - taṇhā, từ đây mới phát sanh vấn đề cần phải được nhìn ngắm. Cao hơn một cấp độ nữa là Rāga: Tình dục, gốc của luân hồi (Người biên soạn).

**215.**

“*Tham dục*” sinh bệnh phiền ưu  
Lại sinh sợ hãi, lo âu nhiều bề  
Không tham dục, chẳng đắm mê  
U sầu, sợ hãi - chán chê chẳng gần!

Kāmato jāyatī soko<sup>(1)</sup>  
kāmato jāyatī bhayaṃ,  
kāmato vip̐pamuttassa  
n’atthi soko kuto bhayaṃ.



---

<sup>(1)</sup> Kāma: Tham muốn thoả mãn ngũ dục, nói chung là cõi dục giới, có từ gốc Ái dục - taṇhā.



## 216.

“*Dục ái*” sinh bệnh phiền ưu  
Lại sinh sợ hãi, lo âu nhiều bề  
Không dục ái, chẳng đắm mê  
U sầu, sợ hãi - đã thê viễn ly!

Taṇhāya jāyatī soko<sup>(1)</sup>  
taṇhāya jāyatī bhayaṃ,  
taṇhāya vippamuttassa,  
n’atthi soko kuto bhayaṃ.



---

<sup>(1)</sup> Taṇhā: Ái Dục, nằm trong 12 duyên khởi, gốc của sinh tử luân hồi. Từ Taṇhā này, cái gì được thì tham, thương; cái gì không được thì sân, ghét.

**217.**

Giới đức, trí giác trọn lành  
Kiên cố giáo pháp, đạo hành viên dung  
Làm xong công việc cuối cùng  
Trời, người ái kính, đón mừng hân hoan!

Sīladassanasampannam  
dhammatṭham saccavedinam,  
attano kamma kubbānam  
taṃ jano kurute piyam.



## 218.

Nguyện thành quả vị “*ly ngôn*”<sup>(1)</sup>  
Chẳng còn xúc động, “*thánh môn đầu dòng*”<sup>(2)</sup>  
Tế vi các ái tiêu vong  
Những bậc như vậy xứng đồng “*thượng lưu*”!<sup>(3)</sup>

Chandajāto anakkhāte  
manasā ca phuto siyā,  
kāmesu ca appaṭibaddhacitto  
uddhamso'ti vuccati.



---

<sup>(1)</sup> Chỉ Niết-bàn.

<sup>(2)</sup> Chỉ 3 quả vị đầu là Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm.

<sup>(3)</sup> Chỉ A-la-hán.

**219.**

Lâu ngày làm khách ly hương  
An toàn trở lại hỏi đường về thăm  
Bà con quyến thuộc xa gần  
Bạn bè hoan hỷ, thôn lân đón chào.

Cirappavāsiṃ purisaṃ  
dūrato sotthimāgataṃ,  
ñātimittā suhajjā ca  
abhinandanti āgataṃ.



**220.**

Ví người hành thiện khác nào  
Đời này, đời nọ xiết bao phước dành!  
Đón đưa tốt đẹp, an lành  
Bà con thân thuộc, chân thành mừng vui!

Tatheva katapuññampi  
asmā lokā param gataṃ,  
puññāni paṭigaṇhanti  
piyaṃ ñātim'va āgataṃ.



**Chương XVII**

**KODHAVAGGA**  
**(Phẩm Phần Nộ)**

**221.**

Bước qua phần nộ, ngã kiêu  
Cắt lìa ràng buộc kết neo phận đời  
Danh tâm, sắc tướng xa rời  
Khổ nào theo dính gót người vô sân?

Kodham jahe vipphaheyya mānaṃ  
saṃyojanaṃ sabbamatikkameyya,  
taṃ nāmarūpasmiṃsasajjamānaṃ  
akiñcanaṃ nānupatanti dukkhā.



**222.**

Tâm sân bộc phát rất nhanh  
Chiếc xe trượt dốc, hãm phanh, khó chừ!  
Có người chế ngự được ư?  
Như Lai sẽ gọi trượng phu đời này!

Ai người chặn được tâm sân  
Như dừng ngay lại xe lăn trượt bờ  
Đánh xe thiện xảo chẳng ngờ  
Còn bao kẻ khác, cầm hồ dây cương!

Yo ve uppatitaṃ kodhaṃ  
rathaṃ bhantaṃva vāraye,  
tamahaṃ sārathim brūmi  
rasmiggāho itaro jano.





**223.**

Không sân, chế ngự hận sân  
Với người xấu ác, ta cần tốt vui  
Bố thí, diệt xan tham rồi  
Lấy đức chân thật, thắng lời dối gian!

Akkodhena jine kodhaṃ  
asādhuma sādhanā jine,  
jine kadariyaṃ dānena  
saccena alikavādinam.



**224.**

Chân thật là đức làm đầu  
Chẳng nên phần hận là câu nằm lòng  
Dầu nghèo vẫn chẳng rít rong  
Ba điều tốt ấy – thông dong cảnh trời!

Saccam bhaṇe na kujjheyya  
dajjā' appampi yācito;  
Etehi tīhi thānehi,  
gacche devāna santike.



**225.**

Không tổn hại: Bạc hiền hơn!  
Nói, làm, suy nghĩ chánh chơn chế mình  
Thấm sâu trạng thái quang minh  
Chẳng sâu, chẳng muộn, vô sinh Niết-bàn!

Ahiṃsakā ye munayo  
niccam kāyena saṃvutā,  
te yanti accutam tñānam  
yattha gantvā na socare.



**226.**

Người luôn tỉnh giấc ngày đêm  
Kỷ cương, tự chế tinh chuyên pháp hành  
Tâm chơn hướng cõi Vô Sanh  
Bao nhiêu lậu hoặc tan tành còn đâu!

Sadā jāgaramānānaṃ  
ahorattānusikkhinaṃ,  
nibbānaṃ adhimuttānaṃ  
atthaṃ gacchanti āsavā.



**227.**

Nên biết này A-tu-la!  
Đời này cũng vậy, đời qua khác gì  
Ngồi im là bị chúng nghi!  
Nói nhiều liền bị chúng khi lăm lời!  
Nói vừa cũng bị chê cười  
Nói ít vẫn bị miệng người thế gian!

Porāṇametam atula  
netam ajjatanāmiva,  
nindanti tuṇhimāsīnam  
nindanti bahubhāṇinam,  
mitabhāṇimpi nindanti  
n'atthi loke anindito.



**228.**

Tuy nhiên, định luật bất toàn  
Không đâu có kẻ được hoàn toàn khen  
Hoàn toàn bị chúng chê gièm  
Hoàn toàn chẳng có khen luôn, chê hoài!

Na cāhu na ca bhavissati  
na cetaṛahi vijjati,  
ekantaṃ nindito poso  
ekantaṃ vā paṣaṃsito.



**229.**

Phải luôn tự kiểm hằg ngày  
Bậc trí khen ngợi người hay xét mình  
Giới nghi chẳng chỗ chê khinh  
Thanh cao phẩm hạnh, kiến minh tròn đầy.

Yañce viññū pasamsanti  
anuvicca suve suve,  
acchiddavuttiṃ medhāviṃ  
paññāsīlasamāhitaṃ.



**230.**

Vị ấy như tấm vàng y  
Có ai lại dám khinh khi các ngài  
Chư Thiên, Phạm Đế, loài người  
Cũng đều hoan hỷ hết lời tán dương!

Nikkham jambonadasseva,  
ko tam ninditumarahati;  
Devāpi nam pasamsanti,  
brahmunāpi pasamsito.





**231.**

Giữ thân, phải biết canh phòng,  
Gìn thân, bảo vệ hết lòng nay mai!  
Xả ly hành ác mới tài  
Trang nghiêm thân hạnh, hỡi ai, mặc dầu!

Kāyappakopaṃ rakkheyya  
kāyena saṃvuto siyā,  
kāyaduccaritaṃ hitvā  
kāyena sucaritaṃ care.



**232.**

Gìn ngôn, giữ khẩu phải phòng  
Khẩu ngôn bảo vệ hết lòng mới hay!  
Xả ly ác khẩu, làm ngay  
Trang nghiêm khẩu hạnh mới tày trượng phu!

Vacīpakopam rakkheyya  
vācāya samvuto siyā,  
vacīduccaritam hitvā  
vācāya sucaritam care.



**233.**

Gìn tâm, giữ ý phải phòng  
Ý tâm bảo vệ hết lòng mới hay!

Xả ly ác ý, làm ngay!

Trang nghiêm ý hạnh mới tày trượng phu!

Manopakopaṃ rakkheyya  
manasā saṃvuto siyā,  
manoduccaritaṃ hitvā  
manasā sucaritaṃ care.



**234.**

Người khôn, biết điều phục thân  
Ngăn phòng lời nói do sân ác hành  
Thu thúc tâm ý trong lành  
Khéo thay! Toàn hảo ba sanh nghiệp này!

Kāyena saṃvutā dhīrā  
atho vācāya saṃvutā,  
manasā saṃvutā dhīrā  
te ve supariṣaṃvutā.



## **Chương XVIII**

### **MALAVAGGA (Phẩm Uế Trước)**

**235.**

Thân người, chiếc lá úa tàn  
Hái đao Diêm Sứ hiện đang đón chờ  
Than ôi! Chết đến bất ngờ  
Đường xa chẳng có dự hờ tư lương!?

Paṇḍupalāso va dānisi  
yamapurisā pi ca te upatṭhitā,  
uyyogamukhe ca tiṭṭhasi  
pātheyyampi ca te na vijjati.



**236.**

Tự xây hòn đảo mà nương  
Tinh cần gấp rút dọn đường tuệ tri!  
Gỡ bao nhơ bợn ngu si  
Mở cửa thánh địa ra đi nhẹ nhàng!

So karohi dīpamattano  
khippaṃ vāyama paṇḍito bhava,  
niddhantamalo anaṅgaṇo  
dibbaṃ ariyabhūmiṃ upehisi.



**237.**

Đời người, sự sống sắp tàn  
Cứ thêm mỗi bước mỗi gần tử vong  
Bên đường, chỗ nghỉ cũng không  
Xa xăm chẳng có dự phòng tư lương!

Upanītavayo ca dānisi  
sampayātosī yamassa santike,  
vāso te natthi antarā  
pātheyyampi ca te na vijjati.





**238.**

Tự xây hòn đảo mà nương  
Tinh cần gấp rút, dọn đường tuệ tri!  
Gỡ bao dục vọng mê si  
Tử sinh quyết chẳng lộn đi, trở vào!

So karohi dīpamattano  
khippaṃ vāyama paṇḍito bhava,  
niddhantamalo anaṅgaṇo  
na punaṃ jātijaraṃ upehisi.



**239.**

Từ từ, chút chút mà hay  
Từng sát-na một gỡ ngay ác mầm!  
Thợ vàng lọc bụi trong ngần  
Cũng dường thế ấy, chặt dần uế nhơ!

Anupubbena medhāvī  
thoka thokaṃ khaṇe khaṇe,  
kammāro rajatasseva  
niddhame malamattano.



**240.**

Rỉ sét vốn từ sắt sanh  
Ăn mòn tiêu hoại rất nhanh sắt này  
Sống đời lợi dưỡng, biết hay!  
Tự nghiệp, tự dẫn trắng tay, khốn cùng!

Ayasā' va malam samuṭṭhitam  
tatuṭṭhāya tameva khādati,  
evam atidhonacārinam  
sāni kammāni nayanti duggatiṃ.



**241.**

Không tụng niệm: Bợn nhớ kinh!  
Không siêng năng: Bợn nhớ sinh cửa nhà  
Biếng nhác: Sắc đẹp nhớ nhòa  
Canh phòng sơ hở, bợn trà trộn ngay!

Asajjhāyamalā mantā  
anuttānamalā gharā,  
malaṃ vaṇṇassa kosajjaṃ  
pamādo rakkhato malaṃ.



**242.**

Tà hạnh: Nhớ uest đàn bà  
Bỏn xẻn: Nhớ uest đàn-na các hàng  
Ác pháp: Nhớ uest thế gian  
Đời này, đời kế ngập tràn khổ đau!

Malitthiyā duccaritaṃ  
maccheraṃ dadato malaṃ,  
malā ve pāpakā dhammā  
asmim loke paramhi ca.



**243.**

Trong hàng cầu uest, dẫn đầu:  
Là vô minh bốn, bợn sâu, dính dầy!  
Tỳ-kheo khởi tuệ lìa ngay  
Thành bậc vô nhiễm, đời này sạch không!

Tato malā malataram  
avijjā paramam malam,  
etam malam pahatvāna  
nimmalā hotha bhikkhavo.



244.

Dễ thay! Lỗ mãng, trên trơ!  
Chẳng lòng hổ thẹn, trộm hờ cần sau!  
Quạ đen, người – có khác đâu!  
Những kẻ tự phụ, cứng đầu, kiêu căng  
Nhiễm ô, xác xược, huênh hoang  
Sống như vậy đó, dễ dàng lắm ôi!

Sujīvaṃ ahirikena  
kākasūrena dhamṣinā,  
pakkhandinā pagabbhena  
saṃkiliṭṭhena jīvitam.



**245.**

Khó thay! Biết hổ thẹn rồi  
Lại còn tinh khiết sống đời trăng gương  
Có tâm dứt bỏ, khiêm nhường  
Sáng trong, vắng lặng, tuệ hương ngát ngào!

Khó thay! Biết hổ thẹn rồi  
Lại cầu thanh tịnh mà noi hướng về  
Vô tư, khiêm hạ, lìa mê  
Trăng trong, sao sáng - đề huề hai vai!

Hirimatā ca dujjīvaṃ  
niccaṃ sucigavesinā,  
alīnenāppagabbhena  
suddhājīvena passatā.





## 246-247.

Kẻ nào vọng ngữ, sát sanh  
Trộm của thiên hạ, đành hanh vợ người  
Rượu men, rượu nấu dễ duôi  
Tự chôn gốc rễ, nhiều đời vùi sâu!<sup>(1)</sup>

Yo pāṇamatipāṭeti  
musāvādañca bhāsati,  
loke adinnaṃ ādiyati  
paradārañca gacchati.

Surāmerayapānañ ca  
yo naro anuyuñjati,  
idhevameso lokasmim  
mūlaṃ khaṇati attano.



---

<sup>(1)</sup> Ý nói là tự chôn gốc rễ của mình mãi mãi trên thế gian này, không bao giờ là thoát được.

**248.**

Hỡi này, những kẻ thiện hiền!  
Chế ngự điều ác, chẳng nên khinh thường  
Ái tham, sân hận<sup>(1)</sup> lỗ vương  
Cuốn vào cảnh khổ miên trường đón đau!

Evam bho purisa jānāhi  
pāpadhammā asaññatā,  
mā taṃ lobho adhammo ca  
ciraṃ dukkhāya randhayuṃ.



---

<sup>(1)</sup> Adhammo: Phi pháp, nghịch nghĩa với pháp; nghĩa là không đi theo giáo pháp – nhưng chú giải cho nghĩa là sân hận vì tham và sân là căn nguyên của điều ác.

**249.**

Người ta bổ thí do tin  
Do tâm hoan hỷ hằng vin pháp lành  
Có người đồ kỵ, tỵ ganh  
Thức ăn, vật uống dâng dành sa-môn  
Người như vậy, phước tiêu mòn  
Định tâm không được, sớm hôm nào phiền.

Dadāti ve yathāsaddham  
yathāpasādanam jano,  
tattha yo ca maṅku bhavati  
paresam pānabhojane,  
na so divā vā rattiṃ vā  
samādhim adhigacchati.



**250.**

Hãy mau cắt đứt gốc nhân  
Phải mau nhổ tiệt căn sân, tỵ hiềm!  
Người như vậy: Bạc trí hiền  
Đạt được tâm định, an thiên thắng năm!

Yassa cetam samucchinnam  
mūlaghaccam samūhatam,  
sa ve divā vā rattiṃ vā  
samādhim adhigacchati.



**251.**

Lửa tham hơn lửa đất trời!  
Kèm sân vô địch kẹp người, siết ta  
Lưới nào bằng lưới si ma?  
Sông nào sánh được ái hà dòng sâu?!

Natthi rāgasamo aggi  
natthi dosasamo gaho,  
natthi mohasamaṃ jālaṃ  
natthi taṇhāsamā nadī.



**252.**

Lỗi người thì dễ thấy ngay!  
Lỗi mình khó thấy, khó hay đường nào  
Lỗi người tử mĩ bởi đào  
Tìm trầu trong gạo, đếm sao trời mờ  
Lỗi ta, ta giấu, ta ngờ  
Lại còn che đậy, giả vờ nguy trang!  
Bầy chim, ta trốn trong hang!  
Chơi bài thì lại dối gian, giấu bài!

Sudassam vajjamannesam  
attano pana duddasam,  
paresam hi so vajjāni  
opunāti yathā bhusam,  
attano pana chādeti  
kalimva kitavā saṭho.



**253.**

Những ai chăm thấy lỗi người  
Dễ sanh đâm thọc, nói lời gièm pha  
Kẻ như vậy, còn rất xa  
Xa trừ lậu hoặc, càng xa Niết-bàn!

Paravajjānupassissa  
niccam ujjhānasaññino,  
āsavā tassa vaḍḍhanti  
ārā so āsavakkhayā.



**254.**

Hư không chẳng có vết chân  
Bên ngoài chẳng có xuất trần sa-môn!  
Chúng sanh hý luận, đa ngôn  
Như Lai hý luận sạch trơn, sạch lầu!

Ākāseva padam n'atthi  
samaṇo n'atthi bāhire,  
papañcābhiratā pajā  
nippapañcā tathāgatā.





**255.**

Hư không chẳng có vết chân  
Bên ngoài chẳng có xuất trần sa-môn  
Các hành<sup>(1)</sup> chẳng phải trường tồn  
Phật không dao động, đâu còn hữu vi?

Ākāseva padam n'atthi  
samaṇo natthi bāhire,  
saṅkhārā sassatā n'atthi  
n'atthi buddhānaṃ iñjitam.



---

<sup>(1)</sup> Saṅkhāra: Tôi dịch là hành chứ không dịch là hữu vi – vì tâm hành là tâm lăng xăng tạo tác, nó ở trong 12 duyên khởi; còn hữu vi là thường chi tất cả các pháp được kết hợp, cấu tạo của thế giới gồm chung tinh thần, vật chất, của sum la vạn tượng.

## **Chương XIX**

### **DHAMMATṬHAVAGGA (Phẩm Công Bình và Chánh Hạnh)<sup>(1)</sup>**

---

<sup>(1)</sup> Dhammatṭha: Sở dĩ tôi phải dịch là công bình và chánh hạnh – vì trong phẩm này có nhiều câu nói về công bằng và chính trực ở đời, đồng thời có nhiều câu lại nói về Pháp, Luật, đôi chỗ là Phạm hạnh.

**256.**

Làm quan phải biết công minh  
Chẳng nên hấp tấp, lý tình chẳng phân  
Cho hay là bậc trí nhân  
Phải, trái thận trọng - thước, cân rõ ràng!

Na tena hoti dhammattho  
yenattham sāhasā naye,  
yo ca attham anatthañca  
ubho niccheyya paṇḍito.



**257.**

Chớ nên thủ thuật dối gian  
Phải theo pháp, luật đàng hoàng phân minh  
Chẳng nên chuyên chế ép hình  
Sống đúng như vậy, xứng vinh trí hiền!

Asāhasena dhammena  
samena nayatī pare,  
dhammassa gutto medhāvī  
dhammaṭṭho'ti pavuccati.



**258.**

Nghe nhiều, học rộng chương văn  
Xứng danh bậc trí giữa Tăng đoàn này?  
Vô sân, vô úy mới hay!  
Mới là cao cả, xứng tay trí hiền!

Na tena paṇḍito hoti  
yāvatā bahu bhāsatī,  
khemī averī abhayo  
paṇḍito'ti pavuccati.



**259.**

Thuộc lòng giáo pháp, nói nhiều  
Mà không trì pháp, gõ kêu rỗng thùng!  
Ít nghe, sở học có chừng  
Mà chuyên trì pháp, danh lừng trí minh!

Na tāvatā dhammadharo  
yāvatā bahu bhāsati,  
yo ca appampi sutvāna  
dhammaṃ kāyena passati,  
sa ve dhammadharo hoti  
yo dhammaṃ nappamajjati.



**260.**

Phải đâu trưởng lão sa-môn  
Phải đâu đầu bạc, thượng tôn Tăng đoàn?  
Tuổi cao, trí kém, ươn gàn:  
“*Sư già rỗng tuếch*” xứng mang danh này!

Na tena thero hoti,  
yen’assa palitaṃ siro,  
paripakko vayo tassa  
“moghajina”<sup>(1)</sup> ti vuccati.



---

<sup>(1)</sup> Mogha: Rỗng không; jina: già lão, già yếu... Nên có thể dịch là “lão ngu” hoặc “lão già vô vị”; nhưng tôi dịch là “sư già rỗng tuếch” là đúng với ý của sự khiển trách trong câu này.

**261.**

Vị nào chân lý lên đường  
Tự chế ,vô hại, chẳng vương nhiễm gì  
Sống đời chánh hạnh, tuệ tri  
Xứng danh trưởng lão, xứng vì sa-môn!

Yamhi saccañ ca dhammo ca  
ahiṃsā saññamo damo,  
sa ve vantamalo dhīro  
thero iti pavuccati.





**262.**

Phải đâu hùng biện đa tài  
Hình dong đẹp để thành người thiện lương?  
Sống đời tham ái, dối lường  
Thì còn xa lắm con đường trí nhân!

Na vākkaraṇamattena  
vaṇṇapokkharatāya vā,  
sādhurūpo naro hoti  
issukī maccharī saṭho.



**263.**

Cắt đứt trọn vẹn thúc thẳm  
Ganh, tham, bừng gốc, ngã căn tận trừ  
Diệt sân, thanh tịnh tâm tư  
Người như vậy đây, xứng từ trí nhân!

Yassa cetam samucchinnam  
mūlaghaccam samūhatam,  
sa vantadoso medhāvī  
sādhurūpo'ti vuccati.



**264.**

Cái đầu trọc lóc biết chẳng  
Mà không giới hạnh, nói năng vọng quàng  
Lòng đầy tham vọng, dối gian  
Những kẻ như vậy, xứng hàng sa-môn?

Na muṇḍakena samaṇo  
abbato alikaṃ bhaṇaṃ,  
icchālobhasamāpanno  
samaṇo kiṃ bhavissati.



**265.**

Những ai thắng phục dục trần  
Điều ác lớn, nhỏ - dần dần lặng yên  
Chẳng còn nhớ bợn, ưu phiền  
Mới xứng tên gọi thiện hiền sa-môn!

Yo ca sameti pāpāni  
aṇuṃ thūlāni sabbaso,  
samitattā hi pāpānaṃ  
samaṇo'ti pavuccati.



**266.**

Chẳng vì bình bát xin ăn  
Mà do an tĩnh lục căn, ngũ trần  
Sống đời tri túc, tri ân  
Mới là khất sĩ, dự phần sa-môn!

Na tena bhikkhu so hoti  
yāvatā bhikkhate pare,  
vissam dhammam samādāya  
bhikkhu hoti na tāvatā.



**267.**

Với ai thiện, ác vượt qua  
Sống đời phạm hạnh, không nhà thiêng liêng  
Suốt thông thế giới đảo điên  
Những người như vậy, thiện hiền sa-môn!

Yodha puññañca pāpañca  
bāhetvā brahmacariyavā,  
saṅkhāya loke carati  
sa ve bhikkhū'ti vuccati.



**268.**

Ngu si, im lặng tịnh bình  
Phải đâu ản sĩ, võ mình tự khoe?  
Cầm cân thiện, ác không mê  
Là bậc trí giả, danh đề xứng tên!

Phải đâu im lặng tịnh bình  
Người ngu si nọ xưng mình ản cư?  
Tốt làm, xấu lánh, ai chừ  
Là bậc thiện trí, danh như thánh hiền!

Na monena muni hoti  
mūḷharūpo aviddasu,  
yo ca tulaṃ va paggayha  
varam ādāya paṇḍito.



**269.**

Chọn lành, xa ác lâu rồi  
Mới là bậc trí, là người ẩn cư  
Thế gian thông suốt nhiên như  
Mới là hiền thánh, chân sư đời này!

Pāpāni parivajjeti  
sa munī tena so muni,  
yo munāti ubho loke  
muni tena pavuccati.





**270.**

Tự xưng cao quý thượng lưu<sup>(1)</sup>  
Mà còn giết hại, oan cừu sinh linh!?  
Từ tâm, vô hại hữu tình  
Mới thật cao quý, cao minh cõi người!

Tự xưng vô thượng ở đời  
Máu đào họa hại, xương phơi hữu tình!?  
Tâm từ rải khắp chúng sinh  
Sống đời vô hại, quang minh cao hiền!

Na tena ariyo hoti  
yena pāṇāni hiṃsati,  
ahiṃsā sabbapāṇānaṃ  
ariyo'ti pavuccati.



---

<sup>(1)</sup> Āriya: Cao quý, cao thượng, quý phái... mà cũng có nghĩa là bậc thánh nhân.

**271-272.**

Chỉ nhờ học rộng, biết nhiều  
Đầu-đà khổ hạnh hay lều ẩn cư  
Hoặc do giới luật nghiêm tu  
Hay là thiên định công phu sớm chiều

Mà sinh tự mãn, tự kiêu  
Tự cho hưởng phúc khước từ, viễn ly!?  
Tỳ-khưu chẳng dám nói gì  
Khi chưa đoạn tận tế vi não phiền!

Na sīlabbatamattena  
bāhusaccena vā pana,  
atha vā samādhilābhena  
vivicca sayanena vā.

Phusāmi nekkhammasukhaṃ  
aputhujjanasevitaṃ,  
bhikkhu vissāsamāpādi  
appatto āsavakkhayaṃ.



## **Chương XX**

### **MAGGAVAGGA (Phẩm Con Đường)**

**273.**

Tối cao: Bát chánh Con Đường!  
Tối cao: Tứ đế, tỏ tường khổ ai!  
Tối cao: Là ái trong ngoài!  
Tối cao: Pháp nhãn giữa loài hai chân!

Maggān'aṭṭhaṅgiko seṭṭho  
saccānaṃ caturo padā,  
virāgo seṭṭho dhammānaṃ  
dvipadānañ ca cakkhumā.



274.

Đó là duy nhất Con Đường  
Chẳng lối nào khác: “*Thanh lương kiến phần*”!<sup>(1)</sup>  
Ma vương nhìn ngấm, than thầm  
Lo âu, sợ hãi thể nhân đi vào!

Eso va maggo natthañño  
dassanassa visuddhiyā,  
Etaṃ hi tumhe paṭipajjatha  
mārassetaṃ pamohanaṃ.



---

<sup>(1)</sup> Dassanassa visuddhiyā: Với cái thấy thanh tịnh (Tri kiến thanh tịnh).

**275.**

Lối này nếu quyết đi theo  
Ái hà khô cạn, rong bèo tang thương!  
Như Lai chỉ dạy Con Đường  
Chặt lìa gai chướng, thanh gươm tuệ phần!

Etam hi tumhe paṭipannā  
dukkhassantaṃ karissatha,  
akkhāto vo mayā maggo  
aññāya sallakanthanaṃ.



**276.**

Ra đi nỗ lực tâm tư  
Như Lai là bậc Đạo Sư chỉ bày  
Ai “*tâm đạo lộ*”<sup>(1)</sup> đủ đầy  
Ma vương đâu dễ buộc dây kéo hoài!

Tumhehi kiccaṃ ātappaṃ  
akkhātāro tathāgatā,  
paṭipannā pamokkhanti  
jhāyino mārabandhanā.



---

<sup>(1)</sup> Người thực hành bát chánh đạo.

**277.**

Khi tuệ quán chiếu tỏ tường  
Các hành vốn dĩ vô thường xưa nay  
Thoát ly khổ não, đọa đày  
Là Thanh Tịnh Đạo, ai rày chớ quên!

Sabbe saṅkhārā aniccā'ti  
yadā paññāya passati,  
atha nibbindati dukkhe  
esa maggo visuddhiyā.





**278.**

Khi tuệ quán chiếu tỏ tường  
Các hành vốn dĩ đau thương, khổ nản  
Thoát ly phiền não, chán nhàm  
Là Thanh Tịnh Đạo, Niết-bàn tìm đâu?!

Sabbe saṅkhārā dukkhā'ti  
yadā paññāya passati,  
atha nibbindati dukkhe  
esa maggo visuddhiyā.



**279.**

Khi tuệ quán chiếu tỏ tường  
Các pháp vô ngã, chẳng thường là ta  
Thoát ly phiền não, ác tà  
Là Thanh Tịnh Đạo, chẳng xa lồi vè!

Sabbe dhammā anattā'ti  
yadā paññāya passati,  
atha nibbindati dukkhe  
esa maggo visuddhiyā.



**280.**

Tuổi trẻ sức lực dồi dào  
Lại sống buông thả, lao chao biểng lười!  
Tinh thần suy nhược, rã rời  
Làm sao có Tuệ mà soi Con Đường?

Uṭṭhānakālamhi anuṭṭhahāno  
yuvā balī ālasiyaṃ upeto,  
Saṃsannasaṅkappamano kusīto  
paññāya maggaṃ alaso na vindati.



**281.**

Giữ gìn lời nói chánh chơn  
Hộ phòng tâm ý trắng trợn sạch lâu  
Thân quen hành ác, dứt mau!  
Ba nghiệp thanh tịnh, đạo màu chứng tri!

Vācānurakkhī manasā susaṃvuto  
kāyena ca nākusalaṃ kayirā,  
ete tayo kamma pathe visodhaye  
ārādhaye maggaṃ isippaveditaṃ.



**282.**

Tu thiền thì Tuệ phát sanh  
Không thiền thì Tuệ mong manh phụt tàn!  
Hữu và phi hữu hai đàng<sup>(1)</sup>  
Suốt thông, nỗ lực dễ dàng Tuệ tăng!

Yogā ve jāyatī bhūri  
ayogā bhūrisaṅkhayo,  
etaṃ dvedhāpathaṃ ñatvā  
bhavāya vibhavāya ca,  
tath'āttānaṃ niveseyya  
yathā bhūri pavaḍḍhati.



---

<sup>(1)</sup> Hai đàng: Rõ thông định và tuệ; tham và sân; thiền sắc giới và vô sắc giới; hữu (hữu ái), phi hữu (phi hữu ái).

## 283.

Hãy đón rừng!<sup>(1)</sup> Chẳng chặt cây!<sup>(2)</sup>  
Là rừng dục vọng ản đầy quỷ ma  
Rừng to, rừng nhỏ không tha<sup>(3)</sup>  
“*Không rừng*”<sup>(4)</sup> mà sống, gọi là sa-môn!

Vanam chindatha mā rukkham  
vanato jāyate bhayaṃ,  
chetvā vanañca vanathañca  
nibbanā hotha bhikkhavo.



---

<sup>(1)</sup> Rừng dục vọng.

<sup>(2)</sup> Theo chú giải, khi đức Phật dạy “hãy đón rừng”, có một số vị tỳ-khưu hiểu theo nghĩa đen, nên ngài phải nói tiếp là “không chặt cây” – vì rừng là rừng dục vọng, không phải là rừng cây thật .

<sup>(3)</sup> Dục, nhiễm ô lớn nhỏ.

<sup>(4)</sup> Không còn dục vọng, nhiễm ô.

**284.**

Cho dầu một bụi cỏ con  
Nữ nam ái luyến vẫn còn chồi leo  
Ái kia cứ buộc, cứ đeo  
Bê đòi vú mẹ, bám theo, dính hoài!

Yāvaṃ hi vanatho na chijjati  
aṇumattopi narassa nārisu,  
paṭibaddhamanova tāva so  
vaccho khīrapakova mātari.



**285.**

Dây tình xin chớ xót thương  
Cắt lìa cành cọng, sen vương thu tàn  
Nuôi chi những buộc, những ràng  
Sống đời an tịnh: Con Đàng Tôn Sư!

Ucchinda sinehamattano  
kumudaṃ sārādikaṃ va pāṇinā,  
santimaggameva brūhaya  
nibbānaṃ sugatena desitaṃ.





**286.**

Mùa mưa ta sống ở đây  
Hạ này cũng vậy, thu rày đi đâu?  
Người ngu tính chuyện dài lâu  
Có nghe sự chết gõ đầu hỏi thăm?

Idha vassam vasissāmi  
idha hemantagimhisu,  
iti bālo vicinteti  
antarāyam na bujjhati.



**287.**

Những ai say đắm thế gian  
Bám vào con cái, vào đàn vật nuôi  
Sự chết cũng cuốn theo người  
N như làng mê ngủ, lũ trôi chẳng ngờ!

Taṃ puttapaśusaṃmattaṃ  
byāsaṭṭamaṇasaṃ naṃ,  
suttaṃ gāmaṃ mahoghva  
macca ādāya gacchati.



**288.**

Lấy ai để bảo trợ ta?  
Họ hàng con cái hay cha mẹ mình?  
Khi mà sự chết rập rình  
Cô đơn chịu nghiệp, vắng thình chẳng người!

Na santi puttā tāṇāya  
na pitā nāpi bandhavā,  
antakenādhīpannessa  
n'atthi nātīsu tāṇatā.



**289.**

Bậc trí biết như vậy rồi  
Tự chăm giới hạnh, chẳng rời oai nghi  
Dọn đường thanh tịnh, tuệ tri  
Sớm thành chánh đạo vô vi Niết-bàn!

Etam atthavasam ñatvā  
paṇḍito sīlasamvuto,  
nibbānagamanam maggam  
khippameva visodhaye.



**Chương XXI**

**PAKINNAKAVAGGA**  
**(Phẩm Tập Lục)**

**290.**

Xa lìa hạnh phúc nhỏ nhoi  
Tìm hạnh phúc lớn để noi hướng về  
Lạc nhỏ, bậc trí không mê  
Quyết hái lạc lớn: Bồ-đề tám bông!<sup>(1)</sup>

Mattāsukhapariccāgā  
passe ce vipulaṃ sukhaṃ  
caje mattāsukhaṃ dhīro  
sampassaṃ vipulaṃ sukhaṃ.



---

<sup>(1)</sup> Bát chánh đạo.

**291.**

Cứ gieo đau khổ cho người  
Để tìm hạnh phúc, nức cười lắm thay!  
Kẻ ngu thù hận trối tay  
Bị lôi, bị siết, bủa vây oán cừu!

Paradukkhūpadhānena  
attano sukhaṃ icchati,  
verasaṃsaggasaṃsaṭṭho  
verā so na parimuccati.



## 292.

Việc đáng thì lại không làm<sup>(1)</sup>  
Việc không thích đáng<sup>(2)</sup> lại ham dính vào  
Người ngu ngã mạn tự hào  
Lậu hoặc tăng trưởng khác nào bìm leo!

Yam hi kiccaṃ apaviddham  
akiccaṃ pana kayirati,  
unnaḷānaṃ pamattānaṃ  
tesaṃ vaḍḍhanti āsavā.



---

<sup>(1)</sup> Việc thích đáng: Như giới, định, tuệ.

<sup>(2)</sup> Việc không thích đáng: Chăm sóc cái thân, trang trí y bát, dù dép; lo việc ở ngoài đời...



**293.**

Những người cần mẫn siêng năng  
Niệm thân, quán tưởng thường hằng chẳng lơi  
Chỉ làm việc thích đáng thôi  
Ngã mạn, lậu hoặc khó mòi nầy sanh!

Yesañca susamāradhā  
niccam kāyagatā sati,  
akiccam te na sevanti  
kicce sātaccakārino,  
satānaṃ sampajānānaṃ  
atthaṃ gacchanti āsavā.



## 294.

Sau khi diệt “*cha mẹ*”<sup>(1)</sup> rồi  
Giết “*hai vua*”<sup>(2)</sup> nọ hết đời hiếu tranh!  
Chặt tên “*quốc khổ đại thân*”<sup>(3)</sup>  
Chém bọn “*lãnh thổ quan quân tùy tùng*”<sup>(4)</sup>  
Được rồi quốc độ mệnh mông  
Bạc vô ưu sống thong dong bốn mùa!

Mātaraṃ pitaraṃ hantvā  
rājāno dve ca khattiye,  
raṭṭhaṃ sānucaraṃ hantvā  
anīgho yāti brāhmaṇo.



---

<sup>(1)</sup> Mātu: Mẹ, tiêu biểu cho tâm ái dục (taṇhā); pitu: Cha, tiêu biểu cho ngã mạn, cố chấp, cứng đầu, kiêu căng, tự phụ, hống hách...

<sup>(2)</sup> Hai vua: Thường kiến và đoạn kiến.

<sup>(3)</sup> Người phụ trách kho tàng của vương quốc – ý nói cái tâm ái luyến bám bấu vào đời sống.

<sup>(4)</sup> Ý nói lục căn và lục trần.

**295.**

“*Mẹ cha*” đã giết, đã chôn  
Và “*hai vua Bà-la-môn*”, chém ngành!  
Trị “*năm hổ tướng lòng danh*”<sup>(1)</sup>  
Bậc vô ưu sống, vô sanh đời đời!

Mātaraṃ pitaraṃ hantvā  
rājāno dve ca sotthiye,  
veyagghapañcamāṃ hantvā  
anīgho yāti brāhmaṇo.



---

<sup>(1)</sup> Là năm chương ngại tinh thần (5 triệu cái): Hôn trầm, thuy miên, nghi; sân ác; trạo hối; tham dục.

**296.**

Đệ tử đức Gotama  
Ngày đêm tỉnh giác, Phật-đà niệm luôn  
Ân đức Phật Bảo cao thâm  
Năm, ngồi, đi đứng - nhất tâm niệm hoài.

Suppabuddham pabujjhanti  
sadā gotamasāvakā,  
yesam divā ca ratto ca  
niccam buddhagatā sati.



**297.**

Đệ tử của đức Như Lai  
Ngày đêm tỉnh niệm trọn bài Đạt-ma  
Ân đức Pháp Bảo bao la  
Pháp đi, pháp đến - lơ là chẳng nên!

Suppabuddham pabujjhanti  
sadā gotamasāvakā,  
yesam divā ca ratto ca  
niccam dhammagatā sati.



**298.**

Đệ tử của đức Sakyā  
Ngày đêm tỉnh giác, Tăng-già niệm luôn  
Ân đức Tăng Bảo thậm thâm  
Ba canh, sáu khắc tinh cần không lơ!

Suppabuddham pabujjhanti  
sadā gotamasāvakā,  
yesam divā ca ratto ca  
niccam saṅghagatā sati.



**299.**

Đệ tử của đức Thế Tôn  
Sắc thân đi đứng, luôn luôn niệm hoài  
Thân gồm thể trược ba hai  
Nhớ ghi, niệm tưởng trong ngoài chớ quên!

Suppabuddham pabujjhanti  
sadā gotamasāvakā,  
yesam divā ca ratto ca  
niccam kāyagatā sati.



**300.**

Đệ tử của đức Đại Hiền  
Vô thù, vô hại chăm chuyên niệm hoài  
Từ tâm rải khắp bốn loài  
An vui chuyên niệm khuya, mai, tối, chiều!

Suppabuddham pabujjhanti  
sadā gotamasāvakā,  
yesam divā ca ratto ca  
ahiṃsāya rato mano.





**301.**

Đệ tử của đức Vô Sanh  
Ngày đêm tỉnh giác, trong lành, hỷ hoan  
Thân tâm trú niệm chu toàn  
Vui đời thiên quán, xứng hàng sa-môn!

Suppabuddham pabujjhanti  
sadā gotamasāvakā,  
yesam divā ca ratto ca  
bhāvanāya rato mano.



**302.**

Khó thay đời sống xuất gia!  
An vui đời sống không nhà, khó hơn!  
Tại gia, phiền não dập dồn  
Lại khó hơn nữa, sầu buồn kéo lôi!  
Bạn bè không hợp, chán ôi!  
Làm người lữ khách luân hồi, càng thương!  
Vậy nên dừng gót đoạn trường  
Chạy theo, biết khổ, vẫn bươn chải hoài!

Duppabbajjaṃ durabhiraṃ  
durāvāsā gharā dukhā,  
dukkho'samānaśamvāso  
dukkhānupatitaddhagū,  
tasmā na caddhagū siyā  
na ca dukkhānupatito siyā.



### 303.

Đức tin, giới hạnh đầy tròn  
Danh thơm, tài sản Sa-môn có rồi!<sup>(1)</sup>  
Đi đâu cũng được đón mời  
Cung nghinh, quý trọng phúc trời dăm so?

Saddho sīlena sampanno  
yasobhogasamappito,  
yaṃ yaṃ padesaṃ bhajati  
tattha tattheva pūjito.



---

<sup>(1)</sup> Gia tài thánh hạnh.

**304.**

Cao cao núi tuyết Hy-ma  
Người lành cũng vậy, ở xa thấy liền  
Mũi tên bay giữa đêm đen  
Như kẻ xấu ác, ai thềm biết cho!

Dūre santo pakāsentī  
himavantova pabbato,  
asantettha na dissanti  
rattim khittā yathā sarā.



**305.**

Với ai thích sống cô đơn  
Độc hành lặng lẽ, chánh chơn tự lòng!  
Ngồi, nằm tâm ý thanh trong  
Rừng sâu khả ái, thật không phụ người!

Ek'āsanam ekaseyyam  
eko caramatandito,  
eko damayam attānam  
vanante ramito siyā.



## **Chương XXII**

### **NIRAYAVAGGA (Phẩm Khổ Cảnh)<sup>(1)</sup>**

---

<sup>(1)</sup> Niraya là địa ngục; tuy nhiên nhiều việc xấu ác trong phẩm đa phần là khổ cảnh nói chung – nên tôi dịch là “khổ cảnh” y dịch giả Phạm Kim Khánh.

**306.**

Người do vọng dối, nói quàng  
Chết sanh khổ cảnh thở than nỗi gì?  
Kẻ làm, lại chối quách đi  
Hai tên một giuộc: Tiện tỳ, tiểu nhân!

Abhūtavādī nirayaṃ upeti  
yo vā pi katvā na karomi cāha,  
ubho pi te pecca samā bhavanti  
nīhīnakammā manujā parattha.



**307.**

Xuất gia, tâm chẳng xuất gia  
Bao nhiêu xấu ác “*trong nhà*” còn y!  
Lòng đầy hươu vượn sân si  
Mở cửa địa ngục mà đi “*hưởng nhàn*”!

Kāsāvakaṇṭhā bahavo  
pāpadhammā asaññatā,  
pāpā pāpehi kammehi  
nirayaṃ te upapajjare.





**308.**

Thà rằng sắt đỏ nuốt tươi!  
Thà rằng lửa hực, dầu sôi dạ dày!  
Còn hơn ngựa bát trên tay  
Ăn nhờ vật thực Đông Tây tín thành  
Người ngu chẳng niệm điều lành  
Thân tâm ác giới, loạn hành nhớ cho!

Seyyo ayogulo bhutto  
tatto aggisikhūpamo,  
yañce bhuñjeyya dussīlo  
raṭṭhapiṇḍamasaññato.



**309.**

Tà dâm, tà vạy vợ người  
Bốn điều bất hạnh đến thời phải vương:  
Một, chịu họa hại tai ương  
Hai là khó ngủ, dạ thường lo âu  
Ba, đời phỉ nhổ ngấp đầu  
Bốn đọa địa ngục, đâm sâu, cột đùm!

Cattāri ṭhānāni naro pamatto  
āpajjati paradārūpasevī,  
apuññalābhaṃ na nikāmaseyyaṃ  
nindaṃ tatīyaṃ nirayaṃ catutthaṃ.



**310.**

Tội đầy phải vác, phải bung  
Bất hạnh chạy đuổi, còng lưng mà bò!  
Khoái lạc mảnh tợ đường tơ  
Lại hoảng, lại sợ - vui so thắm gì?!  
Luật vua, hình trọng kéo đi  
Gặt quả khóc liệt, dính chi vợ người!

Apuññalābho ca gatī ca pāpikā  
bhītassa bhītāya ratī ca thokikā,  
rājā ca daṇḍaṃ garukaṃ paṇeti  
tasmā naro paradāraṃ na seve.



**311.**

Ai người lấy cỏ kusa?  
Nếu tay vụng nắm, thịt da cắt lìa!  
Hạnh sa-môn cũng thế kia  
Tu hành không khéo, đội bia ngực hình!

Kuso yathā duggahito  
hatthamevānukantati,  
sāmaññaṃ dupparāmaṭṭhaṃ  
nirayāyupakaḍḍhati.



**312.**

Một hành, dễ dãi buông lung  
Một tâm ô nhiễm khởi cùng ác tri  
Một thêm phạm hạnh đáng nghi  
Cả ba điều ấy, mong gì quả vui?!

Yam kiñci sithilaṃ kammaṃ  
saṃkiliṭṭhañca yam vataṃ,  
saṅkassaraṃ brahmacariyaṃ  
na taṃ hoti mahapphalaṃ.



**313.**

Có điều phải, hãy nên làm  
Từng bước vững chắc, kiên gan hành trì  
Đời tu sẽ có ra gì:  
Dễ duôi, tung bụi, càng khi càng mờ!

Kayirā ce kayirāthenaṃ  
daḥamenāṃ parakkame,  
sithilo hi paribbājo  
bhiyyo ākirate rajaṃ.



**314.**

Không nên làm xấu, hay hơn!  
Dẫu là ác nhỏ, khổ buồn về sau  
Hãy nên làm tốt, làm mau!  
Điều lành, mai hậu - chẳng cầu cũng vui!

Akaṭaṃ dukkaṭaṃ seyyo  
pacchā tappaṭi dukkaṭaṃ,  
katañca sukataṃ seyyo  
yaṃ katvā nānutappaṭi.



### 315.

Như trên ải trấn biên thù  
Quan quân bảo vệ, ngăn nguy giặc ngoi  
Thân tâm phòng hộ, hỡi ai!  
Sát-na biếng trễ, “gia tài” còn đâu?  
Bỏ qua cơ hội<sup>(1)</sup> pháp mâu  
Đọa vào địa ngục, khổ sâu chẳng nguôi!

Nagaram yathā paccantam  
guttam santarabāhiraṃ,  
evaṃ gopetha attānaṃ  
khaṇo vo mā upaccagā,  
khaṇātītā hi socanti  
nirayamhi samappitā.



---

<sup>(1)</sup> Cơ hội: Có Phật đản sanh, có giáo pháp, có thiện trí thức, có chánh kiến, có nơi ở thuận lợi, có ngũ quan đầy đủ, thân thể khoẻ mạnh



### 316.

Thẹn thù những việc quàng xiêng  
Lại không hổ thẹn chuyện nên thẹn thù!  
Ai người tà kiến vậy kia?  
Bàng sanh ác thú, mang hia nhảy vào!

Alajjitāye lajjanti  
lajjitāye na lajjare,  
micchādiṭṭhisamādānā  
sattā gacchanti duggatiṃ.



**317.**

Sợ hãi những chuyện gì đâu  
Lại không sợ hãi, lo âu đáng điều  
Ôm ấp tà kiến ấy nhiều  
Người ngu đọa khổ, chẳng “*siêu*” được nào!

Abhaye bhayadassino  
bhaye cābhayadassino,  
micchādiṭṭhisamādānā,  
sattā gacchanti duggatim.



**318.**

Không chi, lại thấy lỗi lầm  
Lỗi lầm lại nghĩ tầm ngàm là không!  
Người ngu tà kiến, si ngông  
Rớt vào cảnh khổ, đi tong cuộc đời!

Avajje vajjamatino  
vajje cāvajjadassino,  
micchādiṭṭhisamādānā  
sattā gacchanti duggatiṃ.



**319.**

Việc sai thì bảo rằng sai  
Việc đúng, thấy đúng ai ngoài trí nhân?  
Đi đâu chánh kiến theo chân  
Khỏi sương khinh khoát – nhàn vân gót hoài!

Vajjañca vajjato ñatvā  
avajjañca avajjato,  
Sammādiṭṭhisamādānā  
sattā gacchanti suggaṭiṃ.



**Chương XXIII**

**NĀGAVAGGA  
(Phẩm Voi)**

**320.**

Thót voi đứng giữa trận tiền  
Húng bao mũi đạn lằn tên sá gì!  
Như Lai chịu đựng ác tri,  
Nhân nại phỉ báng, ngu si lòng người!

Ahaṃ nāgo va saṅgāme  
cāpato patitaṃ saraṃ,  
ativākyam titikkhissaṃ  
dussīlo hi bahujjano.



**321.**

Ngựa voi đã luyện, đã thành  
Con nào thuần nhất để dành vương quân  
Cao thượng nhất giữa nhân quần  
Chịu đựng phỉ báng, dao đâm tiếng lời!

Dantaṃ nayanti samitiṃ  
dantaṃ rājābhirūhati,  
Danto seṭṭho manussesu  
yo'tivākyam titikkhati.



**322.**

Con la tinh thực, quý thay!  
Ngựa kỳ, ngựa ký tung mây, quý là!  
Quý hơn: Voi lớn có ngà  
Quý hơn tất cả: Chính ta tự điều!

Varamassatarā dantā  
ājānīyā ca sindhavā,  
kuñjarā ca mahānāgā  
attadanto tato varam.





**323.**

Lừa, voi hay ngựa tinh thuần  
Đưa ta ngàn dặm đến gần tự do?  
Có người “*tự chế con đò*”<sup>(1)</sup>  
Núi sông chẳng ngại, vượt bờ tới nơi!

Na hi etehi yānehi  
gaccheyya agataṃ disaṃ,  
yathāttanā sudantena  
danto dantena gacchati.



---

<sup>(1)</sup> Tự tu, tự hành thập độ để huân tự pháp lành.

**324.**

Voi con thân rỉ tanh hôi  
Quay cuồng bắt trĩ đến hồi phát điên  
Bỏ ăn, bỏ uống, chảy ghèn  
Nhớ rừng, nhớ mẹ bao phen phá chuồng!

Dhanapālo nāma kuñjaro  
kaṭukabhedano dunnivārayo,  
baddho kabaḷaṃ na bhuñjati  
sumarati nāgavanassa kuñjaro.



**325.**

Những người hôn ám, ngu si  
Ham ăn, mê ngủ, li bì thối thây  
Heo no nằm đông cứng nhầy  
Thai bào sanh thú kiếp này, kiếp kia!

Middhī yadā hoti mahagghaso ca  
niddāyitā samparivattasāyī,  
mahāvarāhova nivāpapuṭṭho  
punappunam gabbham upeti mando.



**326.**

Trước kia phóng túng quen nề  
Chạy theo dục lạc, u mê ở đời  
Nhưng nay niệm phục được rồi  
Như dùng móc sắt khiến voi tài tình!

Idaṃ pure cittamacāri cārikam  
yenicchakam yatthakāmaṃ yathāsukhaṃ,  
tadajjaham niggaheṣṣāmi yoniso  
hatthippabhinnaṃ viya aṅkusaggaho.



**327.**

Voi kia chân ngấp xuống sinh,  
Kiên trì, nỗ lực tự mình thoát ra!  
Sa-môn: Chánh niệm làm “đà”  
Kiên trì, nỗ lực nhảy xa khỏi đồ!

Voi kia chân bị sa lầy  
Kiên trì nỗ lực, thoát ngay khỏi sinh  
Sa-môn chánh niệm giữ mình  
Kiên trì, nỗ lực, khỏi sinh bước ngoài!

Appamādaratā hotha  
sacittamanurakkhatha,  
duggā uddharathattānaṃ  
pañke satto va kuñjaro.



**328.**

Ra đi trên bước đường đời  
Gặp được thiện trí, đáng người làm quen!  
Học chân thật, học dịu hiền  
Kết bằng, vui sống - vượt miền hiểm nguy!

Xa xăm vạn lý độc hành  
Kết bạn thiện sĩ, phúc lành lắm thay!  
Học tâm, học trí đủ đầy  
An vui, chánh niệm - vượt ngay hiểm nghèo!

Sace labhetha nipakaṃ saḥāyaṃ  
saddhiṃ caraṃ sādhuvihāridhīraṃ,  
abhibhuyya sabbāni parissayāni  
careyya tenattamaṇo satīmā.



**329.**

Ra đi trên bước đường đời  
Nếu không gặp bạn là người trí nhân  
Là người tuệ hạnh trong ngần  
Là người chánh niệm, ân cần sớm hôm  
Thà rằng vững bước cô đơn  
Như voi chúa nợ, thâm sơn một mình!

Xa xăm vạn lý độc hành  
Nếu không gặp được bạn lành cùng đi  
Sẽ không tăng trưởng tuệ tri  
Không thêm giới hạnh, khiêm, bi cũng hoài!  
Thà rằng cô độc hôm mai  
Rừng sâu chúa tể, mình voi hưởng nhàn!

No ce labhetha nipakaṃ saḥāyaṃ  
saddhiṃ caraṃ sādhuvihāridhīraṃ,  
rājā'va raṭṭhaṃ vijitaṃ pahāya  
eko care mātaṅgaraññe va nāgo.



**330.**

Tốt hơn, hãy sống một mình  
Người ngu kết bạn đồng hành, chẳng nên!  
Ác xa, rời bỏ nỗi phiền  
Chúa voi cô độc, vui miền rừng xanh!

Ekassa caritaṃ seyyo  
natthi bāle sahāyatā,  
eko care na ca pāpāni kayirā  
appossukko mātaṅgaraññe va nāgo.





### 331.

Vui thay! Gặp bạn lúc cần  
Vui thay! Biết đủ, biết ân giữa đời  
Vui thay! Tích đức làm rồi  
Vui thay! Lánh ác, xa rời khổ đau!

Atthamhi jātamhi sukhā sahāyā  
tuṭṭhī sukhā yā itarītarena,  
puññaṃ sukhaṃ jīvitaśaṅkhayaṃ  
sabbassa dukkhassa sukhaṃ pahānaṃ.



**332.**

Vui thay! Hiếu thảo mẹ già  
Vui thay! Hiếu kính ơn cha vẹn toàn  
Vui thay! Cúng dường Sa-môn  
Vui thay! Phục vụ Thánh Nhơn đời này.

Sukhā mattheyyatā loke  
atho petteyyatā sukhā,  
sukhā sāmāññatā loke  
atho brahmaññatā sukhā.



**333.**

Vui thay! Giới hạnh trẻ già  
Vui thay! Tín đức trong ta trú lành  
Vui thay! Trí tuệ đạt thành  
Vui thay! Ác pháp chẳng sanh nầy chồi!

Sukhaṃ yāva jarā sīlaṃ  
sukhā saddhā paṭiṭṭhitā,  
sukho paññāya paṭilābho  
pāpānaṃ akaraṇaṃ sukhaṃ.



**Chương XXIV**

**TANHĀVAGGA**  
**(Phẩm Ái Dục)**

**334.**

Biết chẳng ái dục lòng người  
Dây leo nầy tợc, dễ duôi khác nào!  
Kiếp này, kiếp khác bám vào  
Vượn kia ham trái, thấp, cao chuyền cành!

Manujassa pamattacārino  
taṇhā vaḍḍhati māluvā viya,  
So plavati hurāhuraṃ  
phalaṃ icchaṃ va vanasmi vānaro.



**335.**

Ai người khắng khít đê hèn  
Buông lung ái dục, đua chen dối lừa  
Cỏ bīraṇa gặp mưa  
Muộn phiền nảy nở, dây dưa dính chùm!

Yaṃ esā sahaṭī jammī  
taṇhā loke visattikā,  
sokā tassa pavaḍḍhanti  
abhivaṭṭhaṃ va bīraṇaṃ.



**336.**

Ai người thiện trí đời này  
Tự điều các dục, tự xây thành trì  
Như nước kia chảy trượt đi  
Lá sen chẳng động, sâu bi nào còn?

Yo cetam saḥate jammim  
taṇhaṃ loke duraccayaṃ,  
sokaṃ tamhā papatanti  
udabindu va pokkharā.



### 337.

Như Lai thường dạy các con:  
Về đây tụ họp, lòng son tín thành  
Dục tham búng gốc cho nhanh!  
Như đào lấy rễ cỏ tranh khác gì  
Đừng để Ma Vương khinh khi  
Như con tràn lũ cuốn đi rác bèo!

Taṃ vo vadāmi bhaddaṃ vo  
yāvantettha samāgatā,  
taṇhāya mūlaṃ khaṇatha  
usīrattho va bīraṇaṃ,  
Mā vo naḷaṃ va soto va  
māro bhañji punappaṇaṃ.





**338.**

Cây kia dầu bị chặt rồi  
Còn nguyên chùm rễ, vẫn chồi nảy lên  
Nếu chưa nhổ “ái tùy miên”  
Muộn sâu sanh mãi, tương duyên, tương tồn!

Cây kia dầu bị chặt rồi  
Còn nguyên chùm rễ, nảy chồi lớn mau  
Nếu chưa diệt “ái ngũ sâu”  
Nó còn sống mãi, khổ sâu sống theo!

Yathāpi mūle anupaddave dalhe  
chinno pi rukkho punareva rūhati,  
evampi taṇhānusaye anūhate  
nibbattatī dukkhamidaṃ punappunaṃ.



### 339.

Ba mươi sáu ái<sup>(1)</sup> hướng dòng  
Bởi do tư tưởng, bởi lòng hỷ tham<sup>(2)</sup>  
Si mê, tà kiến thế gian  
Theo cơn thác lũ, ngập tràn cuốn đi!

Yassa chattimsati sotā  
manāpasavanā bhusā,  
vāhā vahanti duddiṭṭhim  
saṅkappā rāganissitā.



---

<sup>(1)</sup> Ái dục (taṇhā): 6 ái dục có từ 6 căn; 6 ái dục có từ 6 trần - tức là 12 ái dục; cộng với 3 thời quá khứ, hiện tại, vị lai thành ra 36 loại ái dục.

<sup>(2)</sup> 6 căn ái tham, hỷ tham ngũ trần.

**340.**

Than ôi! Ái dục chảy lan  
Day leo bìm quẩn, mọc tràn khắp nơi  
Trí nhân thấy rề, thấy chồi  
Mài gươm tuệ nhãn bén ngời chém phăng!

Savanti sabbadhi sotā  
latā ubbhijja tiṭṭhati,  
tañca disvā lataṃ jātaṃ  
mūlaṃ paññāya chindatha.



**341.**

Mỗi khi ái dục phát sanh  
Ngũ trần chờ sẵn cuốn nhanh người vào  
Mong tìm hỷ ái khác nào  
Sanh, già chờ sẵn – gai rào túm chân!

Saritāni sinehitāni ca  
somanassāni bhavanti jantuno,  
te sātasiṭā sukhesino  
te ve jātijarūpagā narā.



### 342.

Kẻ bị ái dục buộc ràng  
Thở nằm trong rọ, kinh hoàng xiết bao!  
Mong chi tính chuyện bôn đào  
Thúc thẳng<sup>(1)</sup> quẩn xiết, khổ lao nhiều bề!

Tasiṇāya purakkhatā pajā  
parisappanti sasova bandhito,  
saṃyojanasaṅgasattakā  
dukkhamupenti punappunam cirāya.



---

<sup>(1)</sup> Thẳng là sợi dây; thúc là bó buộc.

**343.**

Kẻ bị ái dục buộc ràng  
Thỏ nằm trong rọ, kinh hoàng xiết bao!  
Sa-môn thấy rõ khổ lao  
Viễn ly ái dục, mở rào, tự do!

Tasiṇāya purakkhatā pajā  
parisappanti sasova bandhito,  
tasmā tasiṇaṃ vinodaye  
bhikkhu ākaṅkhaṇaṃ virāgamattano.



**344.**

Đã tìm vui chốn rừng già  
Đề mong thoát khỏi căn nhà thế gian  
Nhưng kìa! Chúng lại lộn quàng!  
Mái xưa trở lại, buộc ràng hơn xưa!

Yo nibbanatho vanādhimutto  
vanamutto vanameva dhāvati,  
taṃ puggalametha passatha  
mutto bandhanameva dhāvati.



**345.**

Bạc trí đã dạy như vậy:  
Dùng gai hay sắt làm dây chẳng bền!  
Nhưng lòng bám víu bạc tiền  
Vợ con, vàng ngọc - cố kiên hơn nhiều!

Na taṃ daḥamaṃ bandhanamāhu dhīrā  
yadāyaṣaṃ dārujaṃ pabbajaṃ ca,  
sārattarattā maṇikuṇḍalesu  
puttesu dāresu ca yā apekkhā.





**346.**

Bậc trí đã dạy như vậy:  
Sự trói buộc nọ là dây quá bền!  
Dầu tơ mảnh, dầu lụa mềm  
Vấn quần, vẫn siết, trước phiên thế gian  
Xuất gia: Chẳng tiếc, chẳng màng  
Cắt lìa, tận diệt, lên đàng thanh thời!

Etam daḥmaṃ bandhanamāhū dhīrā  
ohāriṇaṃ sithilaṃ duppamuñcaṃ,  
etampi chetvāna paribbajanti  
anapekkhino kāmasukhaṃ pahāya.



**347.**

Những ai tham ái đắm say  
Sẽ rơi trở lại loay hoay giữa dòng  
Nhện giăng lưới, tự sa tròng  
Bậc trí cắt đứt, rỗng không, khước từ!

Ye rāgarattānupatanti sotam  
sayamkatam makkaṭako va jālam,  
etampi chetvāna vajanti dhīrā  
anapekkhino sabbadukkham pahāya.



**348.**

Quá khứ, hiện tại, vị lai  
Thầy trôi đi hết, xa ngoài dậm không!  
Bỏ thế tình, thoát qua sông  
Sao còn lặn hụp giữa dòng tử sinh?

Trôi đi! Dĩ vãng trôi đi!  
Tương lai cũng vậy, chẳng gì, trôi luôn!  
Hiện tại theo nước chảy sông  
Chẳng gì chứa giữ, vui buồn thoáng xa!  
Ôi nhân sinh, kiếp người ta!  
Phủi chân tất cả, bước qua cõi này!  
Sao đành sanh tử vương vây?  
Bờ kia giải thoát, nước mây thanh bình!

Muñca pure muñca pacchato  
majjhe muñca bhavassa pāragū,  
sabbattha vimuttamānaso  
na punaṃ jātijaraṃ upehisi.



**349.**

Người kia tư tưởng chẳng lành  
Nuôi lớn dục lạc, nẩy sanh tâm hôn  
Ái tham như nước thông nguồn  
Nước càng chảy mãi, ái duồn tăng thêm  
Là dây trói buộc chắc bền  
Mà Ma Vương đã xỏ xiên tặng đời!

Vitakkapamathitassa jantuno  
tibbarāgassa subhānupassino,  
bhiyyo taṇhā pavaḍḍhati  
esa kho daḷhaṃ karoti bandhanaṃ.



**350.**

Người kia vui thích niệm lành  
Chế ngự dục lạc nảy sanh tâm hôn  
Ái tham, cắt mạch nước nguồn  
Nước kia khô cạn, ái còn ẩn đâu?  
Bứt dây trói buộc hai đầu  
Ma Vương ngơ ngác, trước sau khó tìm!

Vitakkūpasame ca yo rato  
asubhaṃ bhāvayate sadā sato,  
esa kho byantikāhiti  
esa checchati mārabandhanaṃ.



**351.**

Tới đích, sợ hãi bỏ xa  
Dục tham lưu lạc, không nhà mà nương!  
Mũi tên sanh tử chẳng vương,  
Thân này thân cuối, biết phương nào tìm?

Mục tiêu vị ấy đạt rồi  
Gỡ hết lo sợ, gỡ mọi dục tham  
Mũi tên sinh tử bắn quàng!  
Thân này chẳng dính, biết đàng nào truy?

Niṭṭhaṅgato asantāsī  
vītataṇho anaṅgaṇo,  
acchindi bhavasallāni  
antimoyaṃ samussayo.



### 352.

Ái không, chấp thủ cũng không,  
Ngũ nguyên vô ngại, suốt thông tứ từ<sup>(1)</sup>  
Trước sau cú pháp nhiên như  
Biện tài, thiện xảo, kinh thư lòng mình  
Bậc như vậy quả Vô Sinh  
Vĩ nhơn, đại trí, tuệ minh khó lường!

Vītataṇho anādāno  
niruttipadakovidō,  
akkharānaṃ sannipātaṃ  
jaññā pubbāparāni ca,  
sa ve antimasārīro  
mahāpañño mahāpuriso'ti vuccati.



---

<sup>(1)</sup> Đạt tuệ phân tích, tứ vô ngại giải.

**353.**

Như Lai tất cả vượt qua  
Vượt qua trói buộc căn nhà thế gian  
Như Lai tất cả phục hàng  
Thấy rõ tất cả hỗn mang lòng người!  
Như Lai ái dục diệt rồi  
Suốt thông vạn pháp, sống đời thắng tri  
Thoát tất cả, chẳng vướng gì  
Như Lai ai sánh, nói chi là thầy?

Sabbābhibhū sabbavidūhamasmi  
sabbesu dhammesu anūpalitto,  
sabbañjaho taṇhakkhaye vimutto  
sayam abhiññāya kamuddiseyyam.





**354.**

Mọi thí, pháp thí vô song!  
Hương thơm thù thắng, chẳng đồng pháp hương  
Niềm vui “*pháp hỷ*” khó lường  
Ái diệt tối thượng, khổ ương tận là!

Sabbadānaṃ dhammadānaṃ jināti  
sabbarasaṃ dhammaraso jināti,  
sabbaratiṃ dhammarati jināti  
taṇhakkhayo sabbadukkhaṃ jināti.



**355.**

Tài sản làm hại người mê  
Nhưng không hại kẻ “*kết bè*” vượt sông!  
Tham giàu đã hại mình xong  
Còn chìm kẻ khác trong dòng nước đen!

Hananti bhogā dummedhaṃ  
no ca pāragavesino,  
bhogataṇhāya dummedho  
hanti aññeva attānaṃ.



**356.**

Cỏ dại tai hại ruộng đồng  
Ái tham nhiễm độc giữa lòng thế gian  
Quý thay! Những bậc “*ly tham*”!  
Cúng dường vị ấy, phúc vàng kết xây!

Tiṇadosāni khetṭāni  
rāgadosā ayam pajā,  
tasmā hi vītarāgesu  
dinnaṃ hoti mahapphalaṃ.



**357.**

Cỏ dại tai hại ruộng đồng  
Hận sân nhiễm độc giữa lòng thế nhân  
Quý thay! Những bậc “*ly sân*”!  
Cúng dường vị ấy, phúc ân dồi dào!

Tiṇadosāni khetṭāni  
dosadosā ayam pajā,  
tasmā hi vītadosesu  
dinnaṃ hoti mahapphalaṃ.



**358.**

Cỏ dại tai hại ruộng đồng  
Si mê, nhiễm độc đời không khó gì!  
Quý thay! Những bậc “*ly si*”!  
Cúng dường vị ấy, thắng tri phước mầu!

Tiṇadosāni khetṭāni  
mohadosā ayam pajā,  
tasmā hi vītamohesu  
dinnaṃ hoti mahapphalaṃ.



**359.**

Cỏ dại tai hại ruộng đồng  
Ái dục nhiễm độc chẳng hòng chữa ai!  
Quý thay! Dục ái bỏ ngoài  
Cúng dường vị ấy, phúc đài kết hoa!

Tiṇadosāni khetṭāni  
icchādosā ayam pajā,  
tasmā hi vigaticchesu  
dinnaṃ hoti mahapphalaṃ.



**Chương XXV**

**BHIKKHUVAGGA**  
**(Phẩm Tỳ-khuru)**

**360.**

Lành thay! Mắt được hộ phòng!  
Lành thay! Tai được “*ngắm trông*” kỹ càng!  
Lành thay! Mũi được an toàn!  
Lành thay! Lưỡi được bảo ban, dè chừng!

Cakkhunā saṃvaro sādhu  
sādhu sotena saṃvaro  
Ghānena saṃvaro sādhu  
sādhu jivhāya saṃvaro.





**361.**

Lành thay! Thân được hộ phòng!  
Lành thay! Lời nói giữ không vọng quàng!  
Lành thay! Ý được buộc ràng!  
Lành thay! Tất cả bảo toàn chẳng rời!  
Tỳ-khuru muốn thoát khổ đời  
Canh phòng mọi điểm khắp nơi, trọn mình!

Kāyena saṃvaro sādhu  
sādhu vācāya saṃvaro,  
manasā saṃvaro sādhu  
sādhu sabbattha saṃvaro,  
sabbattha saṃvuto bhikkhu  
sabbadukkhā pamuccati.



**362.**

Tay chân đã chế ngự rồi  
Thu thúc tâm ý, nói lời chánh chơn  
Vui thích thiền định, cô đơn  
Tri túc, dị giản - keo sơn chẳng rời  
Đến đi chẳng dính bụi đời  
Sống được như vậy, rạng ngời tỳ-khuru!

Hatthasaṃyato pādasam̐yato  
vācāsaṃyato sam̐yatuttamo,  
ajjhatarato samāhito  
eko santusito tamāhu bhikkhum̐.



**363.**

Thu thúc miệng lưỡi thiện tài  
Nói năng khéo giỏi, khoan thai, dịu dàng!  
Nghĩa kinh, thông giảng giọng vàng,  
Chẳng kiêu, chẳng mạn - xứng hàng tỳ-khuru!

Yo mukhasaṃyato bhikkhu  
mantabhāṇī anuddhato,  
atthaṃ dhammañca dīpeti  
madhuraṃ tassa bhāsitaṃ.



**364.**

Ăn cư trong Giáo Pháp này  
Thỏa thích Giáo Pháp, suy ngày, tưởng đêm  
Tỳ-khưu như vậy đáng khen!  
Giáo Pháp cao thượng kẻ bên chẳng là!

Dhammārāmo dhammarato  
dhammaṃ anuvicintayaṃ,  
dhammaṃ anussaraṃ bhikkhu  
saddhammā na parihāyati.



**365.**

Vật mình thọ, thì coi khinh  
Phần người có được lại sinh muốn thềm  
Tham, ganh xao động chẳng yên  
Tỳ-khuru như vậy, định thiên khó thay!

Salābhaṃ nātimaññeyya  
nāññesaṃ pihayaṃ care,  
aññesaṃ pihayaṃ bhikkhu  
samādhim nādhigacchati.



**366.**

Dầu được chút ít vật thôi  
Hằng luôn biết đủ, quý người, trọng ân  
Tỳ-khuru chánh mạng nuôi thân  
Chư thiên ái kính, xa gần tán dương!

Appalābho pi ce bhikkhu  
salābhaṃ nātimaññati,  
taṃ ve devā paṣaṃsanti  
suddhājīviṃ atanditaṃ.



**367.**

Không chấp ta và của ta  
Thân tâm thấy rõ chỉ là sắc danh  
Vật không có, chẳng tham ganh  
Người như vậy đây, xứng thành tỳ-khuru!

Sabbaso nāmarūpasmim  
yassa natthi mamāyitaṃ,  
asatā ca na socati  
sa ve bhikkhū'ti vuccati.



**368.**

Tỳ-khuru ần nấu tâm từ  
Hỷ hoan giáo pháp, an như, tín thành  
Chúng đạt trạng thái trong lành  
Thấy rõ tịch tịnh các hành hữu vi!

Mettāvihārī yo bhikkhu  
pasanno buddhasāsane,  
adhigacche padam santam  
saṅkhārūpasamam sukham.





**369.**

Rỗng không, thuyền tát nước rồi  
Từ đây lướt sóng, chèo bơi nhẹ hều!  
Tham sân theo đám rong bèo  
Xuôi sang bờ giác, tỳ-kheo xứng người!

Sĩñca bhikkhu imaṃ nāvaṃ  
sittā te lahumessati,  
chetvā rāgañca dosañca  
tato nibbānamehisi.



### 370.

Cắt đứt năm<sup>(1)</sup>, dứt bỏ năm<sup>(2)</sup>  
Tỳ-khưu năm lực, năm căn<sup>(3)</sup> trau dồi  
Cởi năm dây trói buộc<sup>(4)</sup> rồi  
Bốn dòng lũ lớn muôn đời, vượt qua!

Pañca chinde pañca jahe  
pañca cuttari bhāvaye,  
Pañca saṅgātigo bhikkhu  
oghatinno'ti vuccati.



---

<sup>(1)</sup> Năm hạ phần kiết sử: Thân kiến, hoài nghi, giới cấm thủ, tình dục, bất bình.

<sup>(2)</sup> Năm thượng phần kiết sử: Sắc ái, vô sắc ái, ngã mạn, phóng tâm, vô minh.

<sup>(3)</sup> Ngũ căn, ngũ lực: Tín, tấn, niệm, định, tuệ.

<sup>(4)</sup> Tham, sân, si, mạn, tà kiến.

)

)

**371.**

Hỡi tỳ-khuru! Hãy tham thiền  
Buông lung dục lạc phải nên dè chừng!  
Nếu nuốt cục sắt đỏ hừng  
Địa ngục thiêu đốt, nhớ đừng khổ than!

Jhāya bhikkhu mā pamādo  
mā te kāmagaṇe ramessu cittaṃ,  
Mā lohagaṇaṃ gilī pamatto  
mā kandi dukkhamidaṃ'ti dayhamāno.



**372.**

Không trí tuệ, không định thiền!  
Không định thiền, biết tuệ duyên chỗ nào?  
Niết-bàn giải thoát tối cao  
Đầy đủ định tuệ, bước vào gần bên!

Natthi jhānaṃ apaññassa  
paññā natthi ajhāyato,  
yamhi jhānañca paññā ca  
sa ve nibbānasantike.



**373.**

Tỳ-khuru ần nấu cô đơn  
Giữa lòng an tĩnh, chánh chơn ly trần  
Dưỡng nuôi phỉ lạc siêu nhân  
Quan sát giáo pháp, rõ dần tuệ minh.

Suññāgāraṃ pavitṭhassa  
santacittassa bhikkhuno,  
amānusī rati hoti  
sammā dhammaṃ vipassato.



**374.**

Hằng chuyên quán niệm tự thân  
Pháp sanh, pháp diệt thấy gần, thấy xa!  
Vui thay! Các uẩn tiêu ma!  
Gõ cửa “*bất tử*”, vào nhà “*vô sanh*”!

Yato yato sammāsati  
khandhānaṃ udayabbayaṃ,  
labhatī pīti pāmojjaṃ  
amataṃ taṃ vijānataṃ.



**375.**

Tỳ-khưu có trí, có cần  
Tri túc, tự chế, lục căn bảo toàn  
Thu thúc giới bốn nghiêm trang  
Vật dùng chánh mạng, bạn vàng kết giao  
Tán ích, lợi lạc xiết bao!  
Thân tâm thanh tịnh - phiền lao nào còn?

Tatrāyamādi bhavati  
idha paññassa bhikkhuno,  
indriyagutti santutṭhi  
pātimokkhe ca saṃvaro,  
mitte bhajassu kalyāṇe  
suddhājīve atandite.



**376.**

Khi giao tiếp, lúc vào ra  
Khiêm hư, thuần hậu, nét na tiếng lời  
Hỷ an, niệm niệm chẳng dòi  
Tâm hồn không bọt, một đời vô ưu!

Tiếp giao thân thiện mọi người  
Đoan trang, nho nhã, ý lời thanh tao!  
Hỷ an, niệm niệm ngọt ngào  
Tâm hồn không bọt, khô lao tận là!

Paṭisanthāravutyassa  
ācārakusalo siyā,  
tato pāmojjabahulo  
dukkhassantaṃ karissati.





**377.**

Như cành hoa *vassikā*  
Tự quăng bỏ lấy cánh già úa hương  
Chư tỳ-khuru cũng như đường  
Tham sân tước cọng, chẳng thương cọng nào!

Vassikā viya pupphāni  
maddavāni pamuñcati,  
evam rāgañca dosañca  
vip-pamuñcetha bhikkhavo.



**378.**

Những người thân, khẩu tĩn an  
Ý cũng an tĩn, khéo nhàn, khéo tu!  
Bỏ xa thế sự bụi mù  
Là bậc Tịch Tĩnh, xứng từ tỳ-khuru!

Santakāyo santavāco  
santavā susamāhito,  
vantalokāmisso bhikkhu  
upasanto'ti vuccati.



**379.**

Con ơi! Hãy cứ thật tình  
Tự tri, tự kiểm xét mình mới hay!  
Canh phòng giác tỉnh đêm ngày  
Chánh niệm được lạc, có ngay, chẳng cầu!

Attanā codayattānaṃ  
paṭimāse attamattanā,  
so attagutto satimā  
sukhaṃ bhikkhu vihāhisi.



**380.**

Chỉ ta mới bảo vệ ta  
Chỉ ta nương tựa, chẳng là khác ai!  
Tự mình điều phục miệt mài  
Nnhư khách buôn ngựa, khéo tài kèm cương!

Attā hi attano nātho  
Attā hi attano gati;  
Tasmā saññamayattānaṃ,  
assaṃ bhadraṃ'va vāṇijo.



**381.**

Niềm tin giáo pháp tín thành  
Thọ hưởng phỉ lạc, trong lành, hân hoan  
Các hành vắng lặng, rỗng rang  
Hạnh phúc tối thượng, Niết-bàn tự tâm.

Pāmojjabahulo bhikkhu  
pasanno buddhasāsane,  
adhigacche padam santam  
saṅkhārūpasamam sukham.



**382.**

Tỳ-khưu nhỏ tuổi mặc dầu  
Tự thân cần quán, pháp màu siêng tu  
Vàng trắng thoát đám mây lu  
Chiếu soi rõ rõ, cõi mù thế gian!

Yo have daharo bhikkhu  
yuñjati buddhasāsane,  
somaṃ lokaṃ pabhāseti  
abbhā mutto va candimā.



## **Chương XXVI**

### **BRĀHMAṆAVAGGA (Phẩm Bà-la-môn)<sup>(1)</sup>**

---

<sup>(1)</sup> Trong phẩm này, từ brāhmaṇa (bà-la-môn) đồng nghĩa với samaṇa (sāmôn) đều là bậc thanh tịnh, vắng lặng - ở đây đức Phật muốn chính danh lại nghĩa đúng đắn của một bà-la-môn chơn chánh, do vào thời ấy, giới bà-la-môn đã hành trì quá sai lạc.

**383.**

Hỡi này! Người bà-la-môn!  
Hãy mau tỉnh tấn, cắt dòng mà đi!  
Bao nhiêu ái dục viễn ly  
Không còn tạo tác, vô vi, vô hành!

Chinda sotam parakkamma  
kāme panuda brāhmaṇa,  
saṅkhārānaṃ khayam ñatvā  
akataññūsi brāhmaṇa.





**384.**

Khi người tuệ, định đủ đầy  
Bờ kia sẽ đạt, ở đây, tức thì!  
Bao nhiêu thẳng thúc đoạn ly  
Bà-la-môn đã liễu tri tỏ tường!

Yadā dvayesu dhammesu  
pāragū hoti brāhmaṇo,  
Athassa sabbe saṃyogā  
atthaṃ gacchanti jānato.



**385.**

Bên này sông, bên kia sông,  
Cả hai không có, cũng không bờ nào!  
Thoát ly phiền não buộc ràng  
Bà-la-môn gọi, đúng sao, danh người!

Yassa pāraṃ apāraṃ vā  
pārāpāraṃ na vijjati,  
vītaddaraṃ viṣaṃyuttaṃ  
tamahaṃ brūmi brāhmaṇaṃ.



**386.**

Tu thiền ly nhiễm, vô trần  
Sống đời ẩn dật, tinh cần sớm hôm  
Hoàn thành mục đích chánh chơn  
Như Lai gọi, bà-la-môn, chính người!

Jhāyim virajamāsīnam  
katakiccamanāsavam,  
uttamattham anuppattam  
tamaham brūmi brāhmaṇam.



**387.**

Mặt trời chiếu sáng ban ngày  
Mặt trăng soi rạng nước mây đêm dài  
Gươm đao, nhung giáp ngời ngời  
Đức vua, quân lính khắp nơi trận tiền  
Bà-la-môn lúc định thiên  
Ánh sáng rực rỡ xóa miền tối đen  
Nhưng vinh hạnh suốt ngày đêm  
Hào quang đức Phật vô biên, vô ngần!

Divā tapati ādicco  
rattim ābhāti candimā,  
sannaddho khattiyo tapati  
jhāyī tapati brāhmaṇo,  
atha sabbamahorattim  
buddho tapati tejasā.



**388.**

Dứt ác gọi bà-la-môn  
Sống đời an tịnh – sa-môn chính là!  
Tự mình cầu uế lìa xa,  
Tu sĩ ản dật, “*xuất gia*”, đứng từ!

Bāhitapāpo’ti brāhmaṇo  
samacariyā samaṇo’ti vuccati,  
pabbājayamattano maḥam  
tasmā “pabbajito”ti vuccati.



**389.**

Đánh đập Phạm Chí<sup>(1)</sup>, không nên!  
Phạm Chí đánh trả không kèm nổi sân!  
Người đánh xấu hổ một phần  
Còn người đánh lại, nhiều lần xấu hơn!

Na brāhmaṇassa pahareyya  
n'āssa muñcetha brāhmaṇo,  
dhī brāhmaṇassa hantāraṃ  
tato dhī yassa muñcati.



---

<sup>(1)</sup> Là một cách phiên âm khác của brāhmaṇa.

**390.**

Phạm Chí không trả thù ai  
Là điều lợi ích lâu dài về sau!  
Khi dứt ái luyến, vọng cầu  
Tâm hại chận đứng, khổ sâu tự tiêu!

Na brāhmaṇassetadakiñci seyyo  
yadā nisedho manaso piyehi,  
yato yato hiṃsamano nivattati  
tato tato sammātimeva dukkham.



**391.**

Với người ba nghiệp ác xa  
Là thân khẩu ý ôn hòa, vô vi  
Ngày đêm tỉnh giác hộ trì  
Bà-la-môn ấy, đúng vì danh xưng!

Yassa kāyena vācāya  
manasā n'atthi dukkaṭaṃ,  
saṃvutaṃ tīhi ṭhānehi  
tamahaṃ brūmi brāhmaṇaṃ.





**392.**

Hiếu thông giáo pháp nhờ ai  
Từ bậc Toàn Giác, Như Lai giáo truyền  
Như Phạm Chí thờ lửa thiêng  
Ta phải thành kính khắc tên đá vàng!

Yamhā dhammaṃ vijāneyya  
sammāsambuddhadesitaṃ,  
sakkaccaṃ taṃ namasseyya  
aggihuttaṃ'va brāhmaṇo.



**393.**

Chẳng vì bận tóc, thọ sanh  
Chẳng vì giai cấp, thanh danh gia đình  
Với ai chánh hạnh, tuệ minh,  
Bà-la-môn ấy, xứng vinh gọi là!

Na jaṭāhi na gottena  
na jaccā hoti brāhmaṇo,  
yamhi saccañca dhammo ca  
so sucī so ca brāhmaṇo.



**394.**

Người ngu kia có ích gì,  
Đầu thì bện tóc, áo thì da dê?!  
Bên trong ác ướ, u mê  
Bên ngoài trang sức nếp nề chơn tu!?

Kim te jaṭāhi dummedha  
kim te ajinasāṭiyā,  
abbhantaraṃ te gahanaṃ  
bāhiraṃ parimajjasi.



**395.**

Đắp y vải lượm bên đường  
Gân xanh lồ lộ, trơ xương, ồm gầy  
Rừng sâu, thiền định tháng ngày  
Cô đơn Phạm Chí, ai tày danh xưng?

Pamsukūladharam jantum  
kisaṃ dhamanisanthataṃ,  
ekaṃ vanasmim jhāyantaṃ  
tamahaṃ brūmi brāhmaṇaṃ.



**396.**

Phải đâu do mẹ cha sanh  
Thai bào dòng giống mà thành bla-môn?  
Nó chỉ là tên gọi sông  
Núi đeo cầu uế, nổi guồng đục tham  
Không phiền não, chẳng buộc ràng  
Mới là Phạm Chí, dự hàng chân tu!

Na cāhaṃ brāhmaṇaṃ brūmi  
yonijaṃ mattisambhavaṃ,  
bhovādi nāma so hoti  
sace hoti sakiñcano,  
akiñcanaṃ anādānaṃ  
tamahaṃ brūmi brāhmaṇaṃ.



**397.**

Cắt đứt rễ má, dây mơ  
Đoạn lìa trói buộc, chẳng lo sợ gì  
Vượt xa dính mắc hữu vi  
Như Lai sẽ gọi, đúng vì bla-môn!

Sabbasaṃyojanaṃ chetvā  
yo ve na paritassati,  
saṅgātigamaṃ viśaṃyuttaṃ  
tamahaṃ brūmi brāhmaṇaṃ.



**398.**

Bỏ dây nọng<sup>(1)</sup>, bỏ dây cương<sup>(2)</sup>  
Đai da cùng với sợi thừng thèo leo!<sup>(3)</sup>  
Đập tan trục, chốt buộc đeo<sup>(4)</sup>  
Bla-môn, Phạm Chí - tên theo đúng người!

Bỏ dây cương, bỏ đai da  
Bỏ luôn dây nọng, giết Ma ngủ ngầm!  
Đập tan trục, chốt ngu đàn  
Làm người sáng suốt, dự phần bla-môn!

Chetvā naddhiṃ varattañ ca  
sandānaṃ sahanukkamaṃ,  
ukkhittapalighaṃ buddhaṃ  
tamahaṃ brūmi brāhmaṇaṃ.



---

<sup>(1)</sup> Tà kiến

<sup>(2)</sup> Sân hận

<sup>(3)</sup> Luyện ái.

<sup>(4)</sup> Tuỳ miên kiết sử và vô minh.

**399.**

Người không tức giận bao giờ  
Trước lời phỉ báng: Lặng tò, nín thinh!  
Dẫu cho roi trượng phạt hình  
Lấy đức nhẫn nại làm binh hộ phòng  
Tâm từ rải khắp hư không,  
Những kẻ như vậy, xứng dòng bla-môn!

Akkosaṃ vadhābandhañca  
aduṭṭho yo titikkhati,  
khantībalaṃ balānīkaṃ  
tamahaṃ brūmi brāhmaṇaṃ.





**400.**

Người mà vô hận, vô sân  
Làm tròn bốn phận, tự tâm, tự điều  
Là thân cuối, sống tiêu diêu  
Đúng bậc Phạm Chí, chẳng nhiều lắm đâu!

Akkodhanam vatavantam  
sīlavantam anussadam,  
dantam antimasārīram  
tamaham brūmi brāhmaṇam.



**401.**

Lá sen chẳng giữ mưa sa  
Đầu kim chẳng dính hạt hoa cải vàng  
Vô y, vô nhiễm thế gian  
Những người như vậy, xứng làm bla-môn!

Vāri pokkharapatte va  
āraggeriva sāsapo,  
yo na limpati kāmesu  
tamahaṃ brūmi brāhmaṇaṃ.



**402.**

Ở đây, ở thế gian này  
Ai người thấy khổ, diệt ngay khổ sâu  
Bỏ gánh nặng xuống bên cầu  
Sống đời siêu thoát, đứng đầu bla-môn!

Yo dukkhassa pajānāti  
idheva khayamattano,  
pannabhāraṃ viṣaṃyuttam  
tamahaṃ brūmi brāhmaṇaṃ.



**403.**

Người có trí tuệ thâm sâu  
Nẻo tà, đường chánh - đâu đâu cũng rành  
Đạt thông tối thượng pháp hành  
Những người như vậy, trọn lành bla-môn!

Gambhīrapaññaṃ medhāvīṃ  
maggāmaggaṃ kovidāṃ,  
uttamatthamanuppattāṃ  
tamahāṃ brūmi brāhmaṇāṃ.



**404.**

Xuất gia, thế tục hai hàng  
Đến đi chẳng luyến, dậm ngàn thông dong  
Cô đơn, thiếu dục bên lòng  
Như Lai sẽ bảo, xứng dòng bla-môn!

Xuất gia, cư sĩ chẳng thân  
Non xanh vô ngại, dậm trần an như  
Gió xao chẳng gợn tâm tư  
Cô đơn, thiếu dục, đứng từ bla-môn!

Asaṃsaṭṭhaṃ gahaṭṭhehi  
anāgārehi cūbhayaṃ,  
anokasāriṃ appicchaṃ  
tamahaṃ brūmi brāhmaṇaṃ.



**405.**

Trượng đao vị ấy bỏ rồi  
Chúng sanh vô hại, với đời vô sân  
Cũng không xúi bẩy hại ngấm  
Lòng từ quảng đại, chẳng lằm bla-môn!

Nidhāya daṇḍaṃ bhūtesu  
tasesu thāvaresu ca,  
yo na hanti na ghāteti  
tamahaṃ brūmi brāhmaṇaṃ.



**406.**

Thân thiện giữa đám nghịch thù  
Với người hung dữ, ôn nhu, ôn hòa  
Sống vô nhiễm giữa trần sa  
Những vị như vậy, chính là bla-môn!

Aviruddham viruddhesu  
attadaṇḍesu nibbutam,  
sādānesu anādānam  
tamaham brūmi brāhmaṇam.



**407.**

Tham sân chẳng dính vào lòng  
Ngã kiêu, tật đồ thấy dòng nước trôi  
Hạt cải kia - đầu kim rơi!  
Những người như vậy, sông đời bla-môn!

Yassa rāgo ca doso ca  
māno makkho ca pātito,  
sāsaporiva āraggā  
tamahaṃ brūmi brāhmaṇaṃ.





**408.**

Nói lời chẳng mất lòng ai  
Dựng xây, chân thật, hòa hài, ôn nhu  
Nói lời thâm thiết, bi từ  
Bla-môn là vậy, đúng như danh người!

Akakkasaṃ viññāpaṇiṃ  
giraṃ saccaṃ udīraye,  
yāya nābhisaje kañci  
tamahaṃ brūmi brāhmaṇaṃ.



**409.**

Vật kia dầu ngắn hay dài  
Dầu to hay nhỏ của ai chẳng màng  
Xấu, tốt không lấy, không ham  
Những bậc như vậy, xứng làm bla-môn!

Yodha dīghaṃ va rassaṃ vā  
aṇuṃ thūlaṃ subhāsubhaṃ,  
loke adinnaṃ nādiyati  
tamahaṃ brūmi brāhmaṇaṃ.



**410.**

Rỗng không, chẳng một hy cầu  
Đời này, đời kế chẳng đâu bận lòng  
Thảnh thơi, siêu thoát trần hồng  
Những người như vậy, đúng dòng bla-môn!

Āsā yassa na vijjanti  
asmim loke paramhi ca,  
nirāsāsaṃ viśaṃyuttaṃ  
tamahaṃ brūmi brāhmaṇaṃ.



**411.**

Người mà tham ái tiêu vong  
Do nhờ trí tuệ đoạn lòng hoài nghi  
Thể nhập bất tử, vô vi  
Nhu Lai sẽ gọi, đúng vì bla-môn!

Yassālayā na vijjanti  
aññāya akathaṃkathī,  
amatogadhamanuppattaṃ  
tamahaṃ brūmi brāhmaṇaṃ.



412.

Người đã vượt thoát hai điều  
Cả thiện và ác, tiêu diêu cõi ngoài  
Không bụi bặm, chẳng sàu ai  
Những người như vậy, trí tài bla-môn!

Yodha puññañca pāpañca  
ubho saṅgamupaccagā,  
asokaṃ virajaṃ suddhaṃ  
tamahaṃ brūmi brāhmaṇaṃ.



**413.**

Lòng kia không bợn, sạch lâu  
Sáng trong, vắng lặng, vui sâu chẳng xao  
Ái và thù, hữu vầy chào  
Bla-môn là vậy, ai nào khác đâu!

Candaṃva vimalaṃ suddhaṃ  
vip̐pasannaṃ anāvilāṃ,  
nandībhava-parikkhīṇaṃ  
tamaḥaṃ brūmi brāhmaṇaṃ.



## 414.

Vũng lầy này đã bước ra<sup>(1)</sup>  
Con đường nguy hiểm thoát xa hồi nào<sup>(2)</sup>  
Đại dương đời sống dạt dào<sup>(3)</sup>  
Xuyên qua, đi khỏi ba đào sân si<sup>(4)</sup>  
Cắt lìa ái dục, hoài nghi  
Tịch tịnh, vô trước, thoát ly mọi miền  
Chẳng còn đâu nữa “tùy miên”  
Những bậc như vậy, vinh hiển bla-môn!

Yo imaṃ palipathaṃ duggaṃ  
saṃsāraṃ mohamaccagā,  
tiṇṇo pāragato jhāyī  
anejo akathaṃkathī,  
anupādāya nibbuto  
tamahaṃ brūmi brāhmaṇaṃ.



---

<sup>(1)</sup> Vũng lầy tham ái.

<sup>(2)</sup> Con đường dục vọng.

<sup>(3)</sup> Vòng luân hồi trầm luân sinh tử.

<sup>(4)</sup> Xuyên qua, vượt thoát 4 dòng lũ: Dục lậu đưa đến dục bạo lưu (kāmogho); hữu lậu đưa đến hữu bạo lưu (bhavogho); kiến lậu đưa đến kiến bạo lưu (diṭṭhogho); vô minh đưa đến vô minh bạo lưu (avijjogho).

**415.**

Ai người bỏ dục đi ra  
Khước từ đời sống căn nhà thế gian  
Dục hữu - đốt cháy tiêu tan!  
Những bậc như vậy, dự hàng bla-môn!

Yodha kāme pahantvāna  
anāgāro paribbaje,  
kāmaḥavaparikkhīṇaṃ  
tamaḥaṃ brūmi brāhmaṇaṃ.





**416.**

Ai người bỏ ái đi ra  
Khước từ đời sống căn nhà thế gian  
Ái hữu - đốt cháy tiêu tan  
Những bậc như vậy, đồng hàng bla-môn!

Yodha taṇhaṃ pahantvāna  
anāgāro paribbaje,  
taṇhābhavaparikkhīṇaṃ  
tamaṇaṃ brūmi brāhmaṇaṃ.



**417.**

Lìa xa ràng buộc cõi người  
Lìa luôn dính mắc cõi trời cao sang  
Thoát bao cám dỗ huy hoàng  
Những bậc như vậy, ngồi hàng bla-môn!

Hitvā mānusakaṃ yogaṃ  
dibbaṃ yogaṃ upaccagā,  
sabbayogavisamṃyuttaṃ  
tamahaṃ brūmi brāhmaṇaṃ.



## 418.

Thản nhiên: Ừa, ghét - hai bờ!<sup>(1)</sup>  
Sanh y<sup>(2)</sup> lìa đoạn, lặng tờ tâm tư  
Thế gian<sup>(3)</sup>, chiến thắng trượng phu!  
Bla-môn tên gọi, cho dù là ai!

Hitvā ratiñca aratiñca  
sītibhūtaṃ nirūpadhiṃ,  
sabbalokābhibhuṃ vīraṃ  
tamahaṃ brūmi brāhmaṇaṃ.



---

<sup>(1)</sup> Ừa thuộc tham, ghét thuộc sân; tham sân là gốc của ái (taṇhā).

<sup>(2)</sup> Nương tựa mà sanh khởi, bám víu vào đời sống

<sup>(3)</sup> Loka: Thế gian, nội giới cũng như ngoại giới; ở đây hàm chỉ ngũ uẩn.

**419.**

Là người hiểu biết hoàn toàn  
Sự sống, sự chết các hàng chúng sanh  
Không ái luyến, đào thoát nhanh  
Tự mình giác ngộ, xứng dành bla-môn!

Cutiṃ yo vedi sattānaṃ  
upapattiṃca sabbaso,  
asattaṃ sugataṃ buddhaṃ  
tamaḥaṃ brūmi brāhmaṇaṃ.



**420.**

Đã lậu tận, dứt sanh y  
Chấm dứt thọ mạng ra đi phương nào?  
Chư thiên dầu thấp hay cao  
Dạ-ma, nhân loại biết sao mà lần?  
Là La-hán, là Thánh Nhân,  
Là bậc tối thượng, xuất trần bla-môn!

Yassa gatim na jānanti  
devā gandhabbamānusā,  
khīṇāsavaṃ arahantaṃ  
tamahaṃ brūmi brāhmaṇaṃ.



**421.**

Ai mà quá, hiện, vị lai  
Sống không sở hữu, trong ngoài sạch lau  
Sạch lau cũng chẳng mắc câu  
Những người như vậy, đứng đầu *bla-môn*!

Yassa pure ca pacchā ca  
majjhe ca n'atthi kiñcanaṃ,  
akiñcanaṃ anādānaṃ  
tamahaṃ brūmi brāhmaṇaṃ.



**422.**

Ví như trâu chúa kiên hùng  
Đại sĩ, vô úy, vô cùng quý cao  
Bậc chiến thắng cả trần lao  
Tuệ tri, giác ngộ - khác nào bla-môn!

Usabham pavaram vīram  
mahesiṃ vijitāvinam,  
anejam nhātakam buddham  
tamaham brūmi brāhmaṇam.



**423.**

Ai đời trước thấy rõ ràng  
Cảnh khổ đọa xứ, cảnh nhàn chừ thiên  
Đã tận sanh diệt các miền,  
Trí tuệ cao viễn tự viên, tự thành  
Mâu-ni, đạo sĩ đã đành  
Là bậc Bát Tử, tên dành bla-môn!

Pubbenivāsaṃ yo vedi  
saggāpāyañca passati,  
atho jātikkhayaṃ patto  
abhiññāvosito muni,  
sabbavositavosānaṃ  
tamahaṃ brūmi brāhmaṇaṃ.





**BỒ THÍ, PHÁP THÍ VÔ SONG  
HƯƠNG THƠM THÙ THẮNG  
CHẲNG ĐỒNG PHÁP HƯƠNG  
BẠC TRÍ BIẾT CÁCH CÚNG DƯỜNG  
KIẾN TRI CHƠN CHÁNH  
CON ĐƯỜNG PHÚC VINH!**

## MUC LUC

Chương I – YAMAKAVAGGA - (Phẩm Song Đối) .....	1
Chương II – APPAMĀVAGGA - (Phẩm Không Phóng Dật).....	22
Chương III – CITTAVAGGA - (Phẩm Tâm) .....	35
Chương IV – PUPPHAVAGGA - (Phẩm Hoa) .....	47
Chương V – BĀLAVAGGA - (Phẩm Kẻ Ngu).....	63
Chương VI – PAṆḌTAVAGGA - (Phẩm Trí Hiền).....	80
Chương VII – ARAHANTAVAGGA - (Phẩm A-la-hán).....	95
Chương VIII – SAHASSAVAGGA - (Phẩm Một Ngàn).....	106
Chương IX – PĀPAVAGGA - (Phẩm Ác) .....	123
Chương X - DAṆḌAVAGGA - (Phẩm Hình Phạt) .....	137
Chương XI – JARĀVAGGA - (Phẩm Già) .....	155
Chương XII – ATTAVAGGA - (Phẩm Tự Ngã).....	167
Chương XIII – LOKAVAGGA - (Phẩm Thế Gian) .....	178
Chương XIV – BUDDHAVAGGA - (Phẩm Đức Phật) .....	191
Chương XV – SUKHAVAGGA - (Phẩm An Lạc) .....	210
Chương XVI – PIYAVAGGA - (Phẩm Thương, Ái) .....	223
Chương XVII – KODHAVAGGA - (Phẩm Phẫn Nộ) .....	236
Chương XVIII – MALAVAGGA - (Phẩm Uế Trược).....	251
Chương XIX - DHAMMAṬṬHAVAGGA - (Phẩm Công Bình và Chánh Hạnh) .....	272
Chương XX – MAGGAVAGGA - (Phẩm Con Đường) .....	289
Chương XXI - PAKIṆṆAKAVAGGA - (Phẩm Tạp Lục).....	307
Chương XXII – NIRAYAVAGGA - (Phẩm Khổ Cảnh) .....	324
Chương XXIII – NĀGAVAGGA - (Phẩm Voi).....	339
Chương XXIV - TAṆHĀVAGGA - (Phẩm Ái Dục).....	354
Chương XXV – BHIKKHUVAGGA - (Phẩm Tỳ-khưu) .....	381
Chương XXVI - BRĀHMAṆAVAGGA - (Phẩm Bà-la-môn) .....	405

